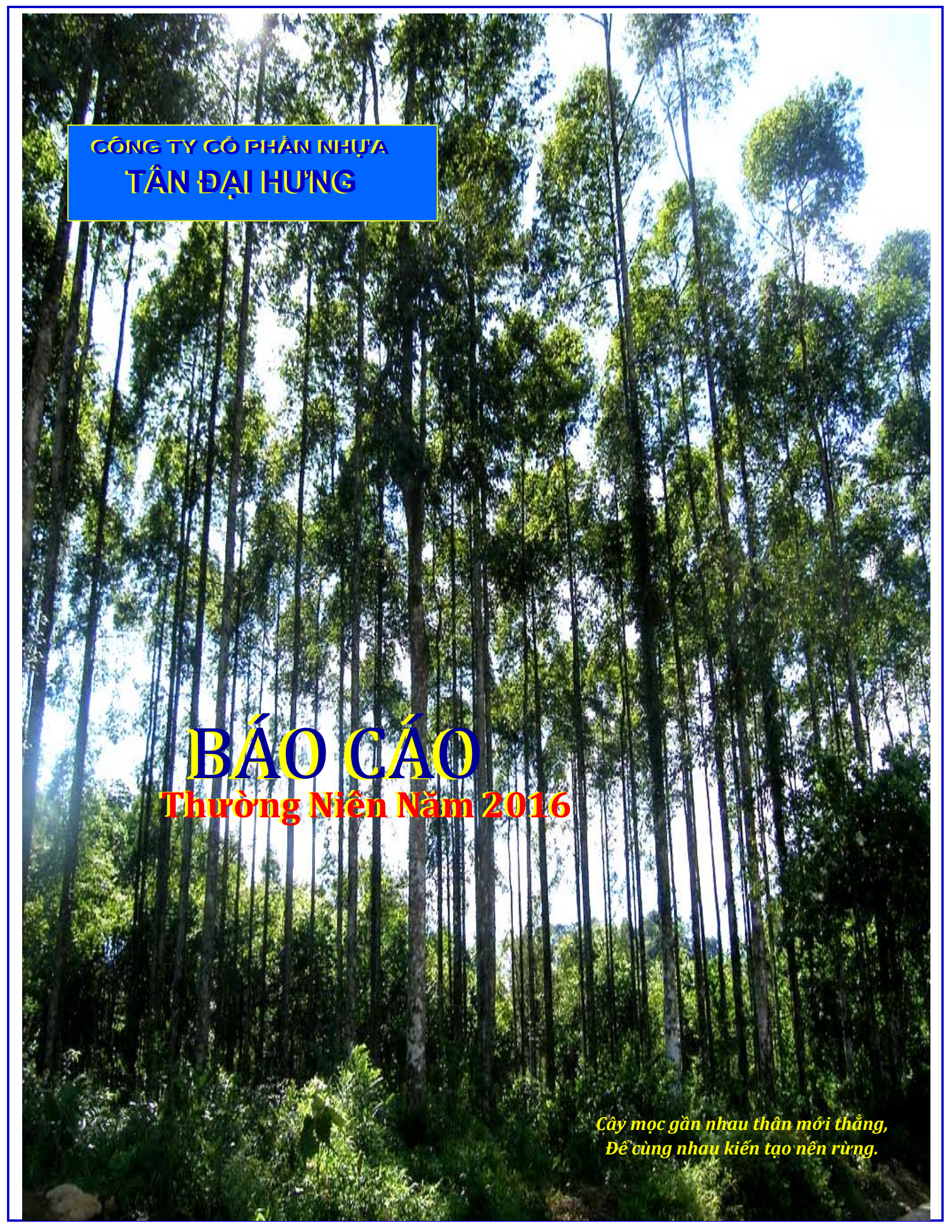




**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
TÂN ĐẠI HƯNG**

BÁO CÁO
Thường Niên Năm 2016

*Cây mọc gần nhau thân mới thẳng,
Để cùng nhau kiến tạo nền rừng.*

MỤC LỤC

Lời ngỏ của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị.

Trang 3

I . THÔNG TIN CHUNG.

Trang 4 đến trang 8

II . TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016.

Trang 9 đến trang 16

III . BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.

Trang 17 đến trang 23

IV . ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

Trang 24 đến trang 28

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.

Trang 29 đến trang 34

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.

Trang 35 đến trang 69

Lời ngỏ của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị.

Kính thưa các quý cổ đông,



Năm 2016 vừa qua, trong bối cảnh chính trị kinh tế khu vực và thế giới biến đổi phức tạp, bộ máy chính phủ Việt Nam vừa bắt đầu nhiệm kỳ mới, hoạt động tái cơ cấu còn nhiều trì trệ và chính sách chưa có những đột phá đáng kể, hạn mặn 05 tỉnh miền nam và “ô nhiễm formosa” tại 04 tỉnh miền trung đã gây khó khăn lớn cho lĩnh vực nông nghiệp và thủy hải sản, nhưng kinh tế nước ta vẫn khá ổn định, tăng trưởng GDP tuy không đạt chỉ tiêu nhưng vẫn ở mức khá cao so với nhiều quốc gia khác, chỉ số PMI tăng, môi trường kinh doanh thông thoáng hơn, lạm phát có xu hướng tăng nhưng các cân đối vĩ mô vẫn vẫn được giữ vững, tỷ giá hối đoái và mức lãi suất không biến động, hệ thống tài chính ngân hàng được củng cố, thị trường chứng khoán tiếp tục khởi sắc với dòng tiền khá dồi dào.

Ngành nhựa Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức hội nhập. Là một ngành “non trẻ” có tốc độ tăng trưởng bình quân 17%-18% mỗi năm, xuất khẩu sản phẩm nhựa tăng trưởng hơn 6% trong năm 2016, tuy nhiên, nguồn cung ứng nguyên vật liệu vẫn thiếu và hơn 70% phải nhập khẩu, công nghệ sản xuất lạc hậu, sản phẩm nhựa của Việt Nam nói chung đứng ở phân khúc thấp; các doanh nghiệp ít chú trọng đến việc đầu tư công nghệ máy móc hiện đại, hơn 80% doanh nghiệp ngành nhựa có quy mô vừa và nhỏ không có nhóm doanh nghiệp nào giữ vị trí chủ đạo để dẫn dắt ngành nhựa nên tính cạnh tranh trong nội bộ ngành rất mạnh. Áp lực cạnh tranh trong thị trường ngày càng cao trước các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đang có thế mạnh về vốn, kỹ thuật và kinh nghiệm thị trường; phải đối đầu trước nguy cơ “Thái hóa” và bị thôn tóm. Yêu cầu đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm để tăng tính cạnh tranh là vấn đề quan trọng sống còn của ngành nhựa Việt Nam và của từng doanh nghiệp Nhựa Việt Nam

Là một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh bao bì nhựa thiên về xuất khẩu, trong năm qua, Tân Đại Hưng vẫn kiên định và không ngừng củng cố các lợi thế cạnh tranh: Sản lượng, Chất lượng, Giá thành, giữ vững uy tín của Thương Hiệu trong các thị trường mục tiêu xuất khẩu và nội địa.

Với nỗ lực và tâm huyết của mình, đội ngũ Tân Đại Hưng đã đạt vượt các chỉ tiêu chính yếu do Đại Hội Cổ Đông đề ra trong năm 2016. Kết quả, sản lượng đạt 112,10%, doanh thu đạt 119,59%, lợi nhuận sau thuế đạt 143,69% chỉ tiêu kế hoạch năm 2016.

Trong suốt quá trình đó, Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Ban Điều Hành luôn tuân thủ và thống nhất theo các định hướng năng động - kỷ cương - minh bạch - chuyên nghiệp - hiệu quả, đảm bảo tài sản nguồn vốn và tình hình tài chính công ty lành mạnh, việc phòng tránh rủi ro được đề cao không để phát sinh hệ lụy. Công ty đã đầu tư và đổi mới thêm nhiều máy móc thiết bị để nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, phát huy sáng kiến tiết kiệm chi phí sản xuất và giảm giá thành, đội ngũ quản lý và công nhân sản xuất khá ổn định, hệ thống gia công đầu vào và bán thành phẩm được duy trì, quan hệ khách hàng tuy gặp một số khó khăn nhưng lại thúc đẩy mở rộng tiếp thị có nhiều đơn hàng hơn.

Trong năm tới, dù môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt, nhưng kết quả nổi bật trong năm qua là cơ sở để công ty tiếp tục phát triển một cách bền vững. Tôi và Hội Đồng Quản Trị công ty vững tin rằng với những định hướng sát đúng với thị trường, giữ gìn và phát huy các giá trị cốt lõi, được sự tin tưởng và ủng hộ của khách hàng, Tân Đại Hưng sẽ tiếp tục thành công.

Trân trọng,

PHẠM ĐỖ ĐIỂM HƯƠNG
Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát



CHUYÊN NGHIỆP & HIỆU QUẢ

Tên giao dịch:	Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	0302760102, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 04 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần 9 ngày 17 tháng 06 năm 2013.
Vốn điều lệ:	244.305.960.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	244.305.960.000 đồng
Địa chỉ:	414 Lầu 5, Lũy Bán Bích, P.Hòa Thạnh, Q.Tân Phú, TPHCM
Số điện thoại:	(08) 3 9737 277 – 39 737 278
Số fax:	(08) 3 9737 276 – 39 737 279
Website:	http://www.tandaihungplastic.com
Mã cổ phiếu:	TPC

Quá trình hình thành và phát triển

a) Quá trình hình thành và phát triển

1984	1994	1997	2002	2006	2010
Thành lập công ty SXTM Nhựa Tân Đại Hưng, chuyên sản xuất bao bì PP tái sinh cung cấp cho các nhà máy hóa chất, phân bón	Trở thành nhà cung cấp bao bì PP lớn nhất cho các công ty xuất nhập khẩu gạo, các công ty nhập và đóng gói bao phân bón tại Cảng Sài Gòn	Tiếp cận thương mại quốc tế và xuất khẩu sang thị trường Châu Âu	Chuyển từ hình thức Công ty TNHH thành Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng, vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng	Khánh thành nhà máy tại Cụm Công nghiệp Nhựa Đức Hòa, Long An. Tăng cường xuất khẩu bao bì PP, vải địa kỹ thuật, vải phủ nông nghiệp vào thị trường Mỹ, Canada	Tăng vốn điều lệ thành 244.305.960.000 đồng

b) Quá trình Niêm yết :

- Từ ngày 28/11/2007: công ty cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng chính thức giao dịch 10,400,000 cổ phiếu tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TPHCM, theo quyết định số: 149/QĐ-SGDCK ngày 20/11/2007.

- Từ ngày 30/09/2008: niêm yết bổ sung 10,146,000 cổ phiếu theo quyết định số 107/QĐ-SGDHCM ngày 30/09/2008.
- Từ ngày 20/08/2010: niêm yết bổ sung 3.884.596 cổ phiếu thưởng theo quyết định số 167/QĐ-SGDHCM của Sở giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh ngày 11/08/2010.
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.
- Mã chứng khoán: TPC.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 24,430,596 cổ phiếu.
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 21,268,956 cổ phiếu.
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 3.161.640 cổ phiếu.

c) Các sự kiện khác:



- Từ năm 2003: áp dụng hệ thống ISO 9001:2000, nâng cấp thành ISO 9001:2008 trong năm 2009.
- Ngày 27/2/2007: được tổ chức TZU của Châu Âu đánh giá cấp “Chứng nhận đạt các yêu cầu về kiểm soát sản xuất tại nhà máy”.
- Từ năm 2007: đầu tư dài hạn vào một số dự án để tăng hiệu quả sử dụng nguồn vốn:
- Tháng 5/2009: được khách hàng tổ chức đánh giá công nhận đạt các tiêu chuẩn bộ luật ứng xử “BSCI” và đạt yêu cầu hệ thống quản lý vật liệu an toàn “MSDS”.
- Từ Năm 2003 đã được Bộ Công Thương (trước đây là Bộ Thương Mại) liên tục xét tặng danh hiệu “Doanh Nghiệp Xuất Khẩu Uy Tín”.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a) Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất, mua bán bao bì nhựa PP, PE, PET.
- Sản xuất, chế biến sản phẩm cao su.
- Mua bán sản phẩm nhựa, nguyên liệu nhựa, bột màu, máy móc thiết bị và phụ tùng ngành công nông lâm ngư nghiệp.

CÁC HỆ THỐNG QUẢN TRỊ ĐANG ÁP DỤNG: ISO 9001:2008; MSDS; BSCI (SA 8000)

**QUI MÔ VÀ NĂNG LỰC SẢN XUẤT LỚN, QUẢN LÝ CHUYÊN NGHIỆP
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG & GIAO HÀNG ĐÚNG HẸN & GIÁ CẢ CẠNH TRANH
& THANH TOÁN THEO THỎA THUẬN VỚI KHÁCH HÀNG.**



Bao Lưới



Bao PP trắng & In



Bao Túi thư DHL



Bao shopping
(Tiêu chuẩn Mỹ và Châu Âu)



Các Loại Bao Jumbo- Big bags
(Tiêu chuẩn Châu Âu)



Cuộn Vải Geo-Textiles
(Tiêu chuẩn Mỹ và Canada)



Cuộn vải Ground-covers/Silt-Fences
(Tiêu chuẩn Mỹ)

Ảnh minh họa các nhóm sản phẩm chủ yếu của công ty.

b) Địa bàn kinh doanh:

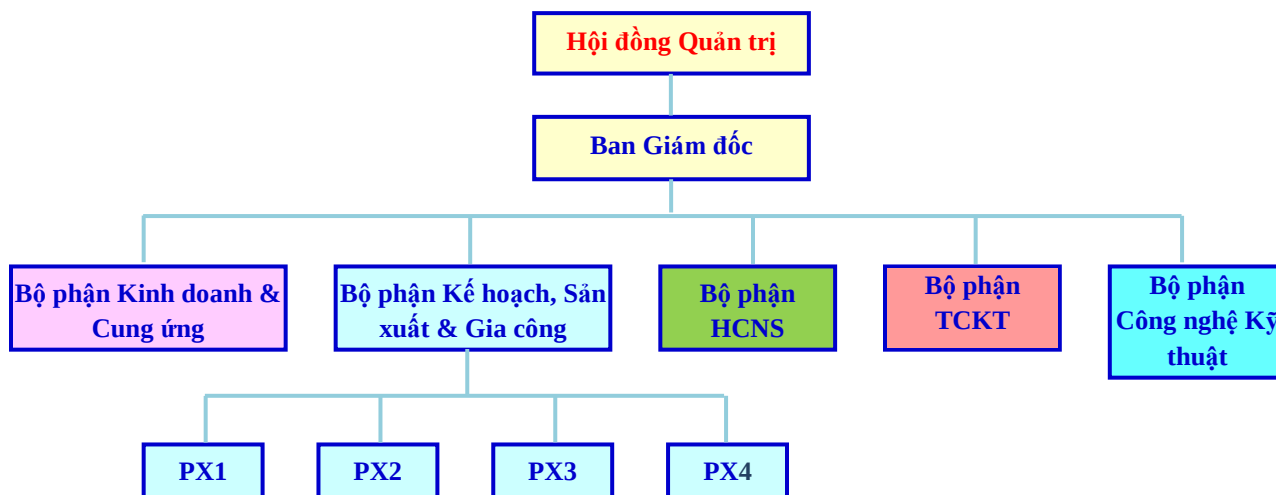
- *Thị trường xuất khẩu:* các sản phẩm bao lưới tròn, bao hộp, bao shopping, bao PP không in chủ yếu xuất vào các nước thuộc khối EU, vải địa kỹ thuật xuất vào Mỹ và Canada, doanh thu xuất khẩu trung bình chiếm khoảng 60% - 65% trong tổng doanh thu hàng năm.
- *Thị trường nội địa:* các sản phẩm bao lưới, bao PP (có và không có tráng, có và không có PE, in và không in) chủ yếu cung cấp doanh nghiệp sản xuất phân bón và thức ăn gia súc tại các tỉnh miền Nam và Đông Nam bộ.
- *Thị trường gia công:* từ năm 2010 đến nay công ty đã xây dựng thành công hệ thống gia công bán thành phẩm tại khu vực ven TPHCM và một số tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu long, nhằm đáp ứng linh hoạt nhu cầu khối lượng và thời hạn giao hàng của khách hàng (*đặc biệt về xuất khẩu*), góp phần giải quyết việc làm thường xuyên và thu nhập ổn định cho hơn 500 lao động tại các vệ tinh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) Mô hình quản trị.

- Tân Đại Hưng là công ty cổ phần đại chúng đã niêm yết, hoạt động theo luật doanh nghiệp Việt Nam, được tổ chức và quản trị theo mô hình công ty mẹ & công ty con.
- Cơ quan quyền lực cao nhất trong công ty là Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- Hội đồng quản trị do Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu ra theo nhiệm kỳ 5 năm, là cơ quan triển khai và giám sát việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT.
- Ban Kiểm soát do Đại Hội Cổ Đông bầu ra theo nhiệm kỳ 5 năm, là cơ quan kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính định kỳ của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

b) Cơ cấu bộ máy quản lý.



- *Hội Đồng Quản trị gồm:* 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 05 thành viên.
- *Ban Giám Đốc gồm:* 01 Tổng Giám Đốc, 02 Phó TGD, các GD Trưởng Bộ phận chức năng.
- *Bộ phận kinh doanh & cung ứng:* đảm nhiệm chức năng quản trị hoạt động marketing, bán hàng, xuất nhập khẩu, cung ứng nguyên liệu vật tư, do 01 Phó TGD phụ trách.
- *Bộ phận hành chính & nhân sự:* đảm nhiệm các chức năng quản trị hoạt động hành chính và nhân lực, do 01 Phó TGD phụ trách (*kiêm giám đốc công ty con - nhà máy*).

- *Bộ phận Tài chính kế toán:* đảm nhiệm các chức năng quản trị tài chính, kế toán, các kho nguyên phụ liệu và thành phẩm, do GD tài chính kiêm kế toán trưởng phụ trách.
- *Bộ phận Công nghệ kỹ thuật:* đảm nhiệm các chức năng quản trị hoạt động công nghệ, sản xuất taical, tái sinh nguyên liệu, đảm bảo chất lượng (QA), hệ thống điện, hệ thống máy móc thiết bị (*sản xuất và phục vụ sản xuất*), do Giám đốc Công nghệ KT phụ trách.
- *Bộ phận kế hoạch & sản xuất & gia công:* đảm nhiệm các chức năng quản trị hoạt động sản xuất và gia công các công đoạn, các kho bán thành phẩm, do GD Sản xuất & Gia công phụ trách.
 - *Phân xưởng 1:* gồm các công đoạn Kéo sợi, Dệt..
 - *Phân xưởng 2:* gồm các công đoạn Tráng, Ghép, Lộn, PE, In.
 - *Phân xưởng 3:* gồm các công đoạn Cắt.
 - *Phân xưởng 4:* gồm các công đoạn LĐPT, In, May, Đóng kiện.

c) Các công ty con, công ty liên kết.

- *Công ty con:* Công ty CP nhựa Tân Đại Hưng đang sở hữu 100% vốn điều lệ 45 tỷ đồng của “Công ty TNHH TĐH”, giấy chứng nhận ĐKKD số: 5002000837 do Sở KHĐT Tỉnh Long An cấp ngày 22/05/2006, địa chỉ: Lô C11-C15 Cụm Công Nghiệp Nhựa Đức Hòa, Long An. Đây là nhà máy và kho hàng của Công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng.
- *Công ty liên kết:* Không có.

4. Định hướng phát triển

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2017.

STT	Chỉ tiêu cơ bản	Năm 2017	Ghi chú
1	Sản lượng bao bì	12,980 tấn	Tăng 118% so với chỉ tiêu 2016.
2	Doanh thu bao bì	591.5 tỷ đồng	Tăng 124,8% so với chỉ tiêu 2016.
3	Lợi nhuận sau thuế	23 tỷ đồng	Tăng 154,4% so với chỉ tiêu 2016.
4	Tỷ lệ chia cổ tức	8 %	Tăng 114,3% so với chỉ tiêu 2016.
5	Tỷ lệ phế toàn Công ty	6.0%	Như năm 2016.

b) Định hướng tổng thể.

- Không ngừng tăng cường năng lực quản trị điều hành công ty để gia tăng kết quả và hiệu quả.
- Quảng bá tiếp thị kinh hoạt nhạy bén, nắm và hoạch định sát đúng nhu cầu khách hàng.
- Đáp ứng được cạnh tranh về giá bán, cơ cấu sản phẩm linh hoạt theo đơn hàng, duy trì thương hiệu hàng đầu về chất lượng bao bì.
- Kiểm soát mua hàng, giảm bớt tồn kho, kiểm soát chặt chẽ thu chi thanh toán và công nợ. Tái cấu trúc các khoản nợ, khai thác nguồn thu ngoại tệ, cân đối dòng tiền thu chi, tiết giảm chi phí tài chính tối đa, thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán không hiệu quả.
- Duy trì qui mô sản xuất, tiết giảm bớt bộ máy và chi phí gián tiếp, đầu tư đổi mới MMTB, tăng năng suất lao động và sản lượng, giảm phế liệu phế phẩm.

c) Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Thực hiện sứ mệnh trở thành một doanh nghiệp bao bì hàng đầu tại Việt Nam và khu vực, phát huy thế mạnh và sở trường, chủ động hội nhập vào khu vực thị trường Đông Nam Á, Châu Âu và các nước khác theo các hiệp định thương mại đã ký kết giữa Việt Nam với các nước khác.
- Tiếp cận nhanh và sát đúng để kịp thời thay đổi, đáp ứng nhu cầu và thị hiếu khách hàng, giữ vững thị phần (*đặc biệt là xuất khẩu*) trong mọi tình huống.

- ☐ Thường xuyên nghiên cứu áp dụng công nghệ mới và phát triển sản phẩm mới.
- ☐ Liên tục đổi mới trang thiết bị ngày càng tiên tiến hơn để không ngừng tăng năng suất, tiết kiệm năng lượng và nguyên liệu, tăng tính cạnh tranh của công ty
- ☐ Thực hiện mọi biện pháp đảm bảo chất lượng, duy trì thương hiệu chất lượng hàng đầu.
- ☐ Xây dựng cơ cấu tổ chức phù hợp linh hoạt với qui mô hoạt động từng giai đoạn.
- ☐ Không ngừng nâng cao năng lực của bộ máy quản lý điều hành và chuyên môn. Phát triển nhân sự lâu dài theo hướng: nâng cao năng lực nhân sự nòng cốt và đào tạo đội ngũ kế thừa
- ☐ Kiểm soát nội bộ tốt, chú trọng quản trị phòng tránh rủi ro. Phân tích các chi phí nhằm đề ra các biện pháp tiết giảm, loại bỏ các khoản chi không hợp lý.
- ☐ Đúc kết và vận dụng kịp thời các kinh nghiệm, cải tiến liên tục trong các hoạt động.

d) Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

- ☐ Thu gom và tái chế và sử dụng lại 100% phế liệu phế phẩm, không xả nước thải trực tiếp vào môi trường, tất cả chất thải rắn khác đều được công ty thu gom, tập trung và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý (kể cả tại khu lưu trữ).
- ☐ Nghiên cứu áp dụng các công thức nguyên liệu để tăng dần tỷ lệ sử dụng nguyên liệu tái sinh hiệu quả nhằm giảm giá thành.
- ☐ Không ngừng cải tiến công nghệ kỹ thuật trong sản xuất, sử dụng bằng các phương tiện công cụ máy móc cải tiến, để giảm thiểu cường độ lao động và an toàn lao động trong sản xuất.
- ☐ Tham gia các cuộc vận động từ thiện (với mức độ khác nhau) do Hiệp Hội Nhựa Việt Nam tổ chức, các cuộc vận động tài trợ cộng đồng của các địa phương (trụ sở và nhà máy).

5. Phòng chống các rủi ro:

Công ty đã nhận diện, đã và đang thực hiện các biện pháp những biện pháp phòng chống rủi ro:

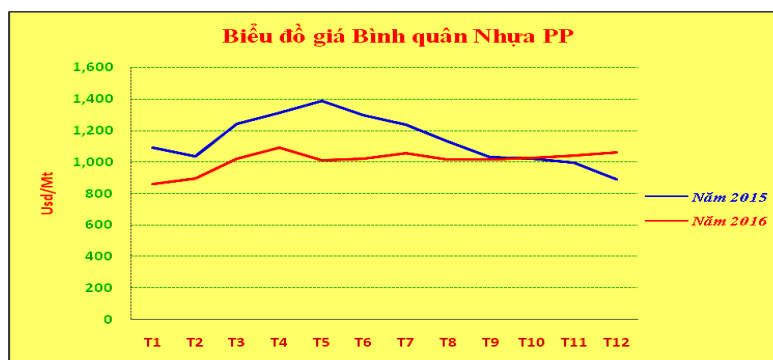
- ☐ *Rủi ro thị trường và khách hàng:* cập nhật tình hình kinh tế và các chính sách vĩ mô tại các khu vực của khách hàng xuất khẩu, liên hệ thông tin hai chiều thường xuyên để nắm vững tình hình khách hàng.
- ☐ *Rủi ro thanh toán:* kiểm soát chặt chẽ công nợ bán hàng, thường xuyên đánh giá khả năng thanh toán của các khách hàng qua việc đặt hàng và chi trả, không để phát sinh nợ xấu.
- ☐ *Rủi ro giao nhận, vận chuyển:* thực hiện Bảo hiểm cho tất cả hàng hóa; kiểm soát quá trình xuất nhập giao hàng và vận chuyển.
- ☐ *Rủi ro giá nguyên liệu:* theo dõi thay đổi của giá nguyên liệu (chí phí chiếm gần 70% giá thành), định mức tồn kho hợp lý, hạn chế tối đa tác động xấu đến giá thành và giá bán, đảm bảo được sự ổn định cho sản xuất và nguồn vốn được sử dụng hiệu quả.
- ☐ *Rủi ro tỷ giá:* theo dõi chính sách tiền tệ, tình hình tỷ giá tại Việt Nam để sử dụng có lợi nhất nguồn USD từ doanh thu xuất khẩu, phòng tránh hệ quả khi tỷ giá biến động mạnh.
- ☐ *Rủi ro lao động:* thường xuyên đào tạo đội ngũ lao động nâng cao tay nghề, thực hiện chính sách chăm lo tốt để người lao động an tâm và gắn bó lâu dài, đặc biệt là người có tay nghề cao. Điều phối lao động kịp thời qua các công đoạn khi cần thiết để đảm bảo sản lượng và tiến độ sản xuất.
- ☐ *Rủi ro thông tin và internet:* nhắc nhở, giám sát quan hệ và phân công hợp lý nhân viên, có những biện pháp kỹ thuật nhằm giữ an toàn của hệ thống mạng thông tin, phòng tránh các rủi ro từ mạng internet, tiết lộ các thông tin cần bảo mật của công ty.
- ☐ *Rủi ro cơ sở hạ tầng:* giám sát kiểm tra chặt chẽ chủ động phòng chống cháy nổ, không để xảy ra trộm cắp làm thiệt hại đến tài sản và uy tín công ty.
- ☐ *Rủi ro giao dịch chứng khoán:* theo dõi tình hình giao dịch cổ phiếu TPC của công ty, phòng tránh biến động xấu và nguy cơ bị thâm tóm.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016.

1. Tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

a) Những thay đổi của môi trường kinh doanh và các giải pháp đã thực thi đạt hiệu quả:

	Tình hình môi trường kinh doanh 2016	Nhóm giải pháp đã thực thi
✦	Giá các nguyên vật liệu chủ yếu của sản xuất bao bì giảm thấp trong 9 tháng đầu năm, ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến giá trị tồn kho, giá bán và doanh thu.	Kiểm soát chi phí mua hàng và mức tồn kho, điều chỉnh cơ cấu sản phẩm, tiếp thị khách hàng mới, tăng đơn hàng và sản lượng, áp dụng giá bán cạnh tranh.
✦	Thị trường xuất khẩu tại châu Âu gặp nhiều khó khăn, một số khách hàng suy thoái.	Bám sát thông tin khách hàng, kiểm soát thanh toán công nợ, tìm thêm nhiều khách hàng mới.
✦	Áp lực cạnh tranh ngày càng tăng, ngay tại thị trường nội địa. Các doanh nghiệp cùng ngành, cạnh tranh quyết liệt về giá bán, chất lượng và chính sách thanh toán để giữ thị phần.	Kiểm soát chi phí sản xuất, tăng năng suất, loại bỏ lãng phí, tăng sử dụng nguyên liệu tái sinh giảm giá thành, giá bán và áp dụng thanh toán linh hoạt tùy theo từng khách hàng.
✦	Tuyển dụng lao động sản xuất gặp khó khăn do chuyển dịch mạnh lao động giữa các ngành và doanh nghiệp trong khu vực, có những thời điểm không thể nhận thêm đơn đặt hàng.	Mở rộng địa bàn tuyển dụng, tuyển chọn kỹ lưỡng hơn, điều phối nhanh lao động giữa các công đoạn sản xuất có liên quan, tăng thu nhập cho người lao động qua lương thưởng năng suất chất lượng, mở rộng gia công..



Thị giá bình quân của nhựa PP năm 2016 giảm 12% so với năm 2015.

b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

□ Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016:

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch 2016	Kết quả thực hiện	% Đạt
01	Sản lượng bao bì	11,000 tấn	12,330 tấn	112.10%
02	Doanh thu	474 tỷ đồng	567,330 tỷ đồng	119.69%
03	Lợi nhuận sau thuế	14,9 tỷ đồng	21,261 tỷ đồng	142.69%

Trong đó:

- Tổng sản lượng thực hiện : 12,330 tấn (tăng 12,1% so với kế hoạch năm).
 - Sản lượng XK đạt : 7.715 tấn, chiếm 62.6% tổng sản lượng.
 - Sản lượng nội địa : 4.615 tấn, chiếm 37,4% tổng sản lượng.
- Tổng doanh thu bán hàng : 567 tỷ 330 triệu (tăng 19,69% so với kế hoạch năm).
 - Doanh thu XK : 396.616 triệu đồng chiếm 69,91% tổng doanh thu.
 - Doanh thu nội địa : 170.713 triệu đồng chiếm 30,09% tổng doanh thu.

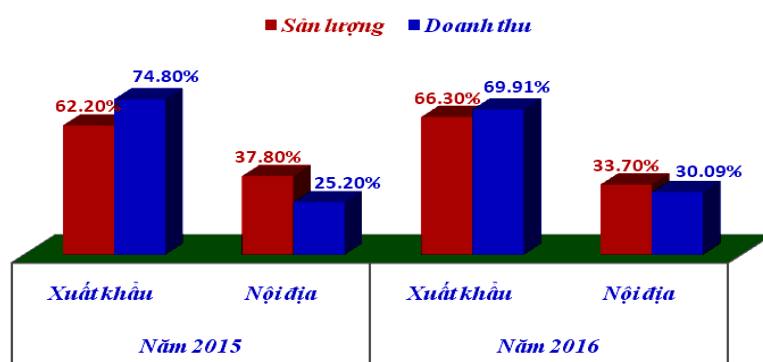
□ **So sánh kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu giữa năm 2016 với năm 2015:**

		Kết quả 2015	Kết quả 2016	So sánh 2016/2015
1	Sản lượng bao bì (tấn)	11,282	12,330	109.3%
2	Doanh thu (tỷ đồng)	578.80	567.33	98.0%
3	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	10.50	21.26	202.5%

Trong đó, cơ cấu sản lượng và doanh thu đạt được như sau:

	Năm 2015		Năm 2016	
	Xuất khẩu	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa
Sản lượng	62.20%	37.80%	66.30%	33.70%
Doanh thu	74.80%	25.20%	69.91%	30.09%

Cơ cấu sản lượng và doanh thu theo khu vực thị trường



2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành và tỷ lệ sở hữu cổ phiếu Nhựa Tân Đại Hưng (31/12/2016)

TT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Trình độ	Chức danh	Số CP sở hữu	Tỷ lệ %
1	Bà Phạm Đỗ Diễm Hương	Nữ	1989	ĐHKT	Tổng GD	896,700	3.67%
2	Bà Tôn Thị Hồng Minh	Nữ	1974	ĐHKT	Phó TGD	104,000	0.43%
3	Ông Phạm Văn Mẹo	Nam	1963	TCHC	Phó TGD	35,000	0.14%
4	Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	Nữ	1962	ĐHTCKT	KTT kiêm GĐTC	127,160	0.52%
5	Ông Trần Hữu Vinh	Nam	1977	ĐHKT	GĐ SX & GC	7,000	0.03%

(tóm tắt lý lịch có trong phần quản trị công ty).

b) Những thay đổi trong ban điều hành:

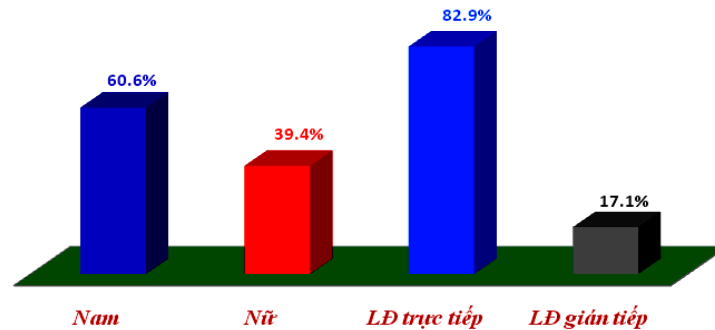
Trong năm 2016, đã bổ nhiệm thêm 01 Phó TGD (Ông Phạm Văn Mẹo). Nhân sự khác của Ban giám đốc và các Trưởng bộ phận của công ty không thay đổi, thường xuyên hợp tác chia sẻ thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, được Hội đồng quản trị quan tâm đánh giá hàng tháng, hàng quý nhằm đúc kết đưa ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

c) Số lượng cán bộ, nhân viên và tóm lược chính sách đối với người lao động:

- Tổng số lao động trong công ty làm việc tại thời điểm ngày 31/12/2016 là 627 người: gồm 380 lao động nam, 247 lao động nữ. Trong đó lao động trực tiếp 520 lao động chiếm tỷ lệ 82,93% trên tổng số lao động (xem thêm chi tiết phần bên dưới).

- Tóm lược các Chính sách đối với người lao động (xem thêm chi tiết phần bên dưới):
 - Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách theo luật lao động.
 - Lãnh đạo công ty luôn chú trọng ổn định việc làm, tiếp tục nâng cao thu nhập thông qua hiệu quả sản xuất, làm việc; có những chính sách khuyến khích sáng kiến cải tiến, thâm niên, thưởng thành tích định kỳ và đột xuất.
 - Định kỳ tổ chức các hoạt động vui chơi thể thao, văn nghệ trong nội bộ và giao lưu với các doanh nghiệp khác trong cụm công nghiệp.

**Cơ cấu lao động theo giới tính và tính chất công việc
(31/12/2016)**



3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư góp vốn.

- Góp 1,0 tỷ vào vốn hoạt động của Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng Tân Đô. Đến tháng 06/2016, Công ty đã thoái vốn và mang về lợi nhuận 2 tỷ đồng cho đơn vị.
- Góp 10 tỷ (10% vốn dự án) thành lập Công ty CP Đầu tư xây dựng và dịch vụ hạ tầng Á Châu, kinh doanh cảng ICD và kho bãi Tân Cảng Cái Mép và 2 KCN tại tỉnh BRVT. Dự án này vẫn trong giai đoạn đầu tư, chưa sinh lời.

b) Các khoản đầu tư cổ phiếu thể hiện như sau:

Các khoản đầu tư cổ phiếu công ty nắm giữ đến ngày 31/12/2016 như sau:

Đơn vị đầu tư	Số lượng	Giá trị
Ngân hàng TMCP Cổ phần Á Châu (mã cổ phiếu ACB)	3	198,979
Ngân hàng TM CP XNK Việt Nam (mã Cổ phiếu EIB)	332,847	7,058,632,403
Cộng		7,058,831,382

c) Các công ty con, công ty liên kết:

- Không có công ty nào nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng.
- Công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng không liên kết với công ty nào khác.
- Công ty con:
 - Công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng đầu tư và đang sở hữu 100% vốn điều lệ 45 tỷ đồng của “Công ty TNHH TĐH”, GCNĐKKD số: 5002000837 do Sở KHĐT Tỉnh Long An cấp ngày 22/05/2006, địa chỉ: Lô C11-C15 Cụm Công Nghiệp Nhựa Đức Hòa, Long An.
 - Tình hình hoạt động của công ty TNHH TĐH ổn định (thực chất đây là nhà máy sản xuất bao bì và kho hàng của Công ty Cổ phần nhựa Tân Đại Hưng),
 - Công ty “con” hàng năm đều được kiểm toán và báo cáo cùng với công ty “Mẹ” để có báo cáo tài chính hợp nhất và công bố thông tin minh bạch (xem phần báo cáo tài chính).

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ Tiêu	Năm 2015	Năm 2016	So sánh 2016/2015
Tổng giá trị tài sản	534,729,673,815	599,823,061,921	112.2%
Doanh thu thuần	707,016,258,477	702,107,381,535	99.3%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9,319,061,117	21,505,362,276	230.8%
Lợi nhuận khác	4,101,486,003	4,939,977,099	120.4%
Lợi nhuận trước thuế	13,420,547,120	26,445,339,375	197.1%
Lợi nhuận sau thuế	10,579,683,995	21,261,501,472	201.0%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ số tài chính	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1. Chỉ tiêu khả năng thanh toán			
▪ Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn	1.25	1.09	Giảm
▪ Hệ số thanh toán nhanh	0.17	0.19	Giảm
2. Chỉ tiêu cơ cấu vốn			
▪ Hệ số nợ/ tổng tài sản	42.50%	47.50%	Tăng
▪ Hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu	73.80%	90.40%	Tăng
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:			
▪ Vòng quay hàng tồn kho (giá vốn hàng bán/ hàng tồn kho BQ)	4.6	6.66	Tăng
▪ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.19	1.24	Tăng
4. Khả năng sinh lời			
▪ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ doanh thu	1.50%	3.00%	Tăng
▪ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu	3.40%	6.70%	Tăng
▪ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	2.00%	3.50%	Tăng
▪ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	1.30%	3.10%	Tăng

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

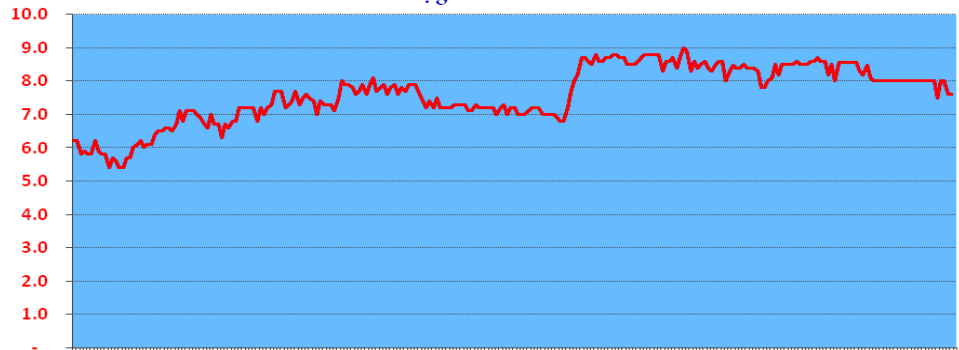
a) Cổ phần:

Cổ Phiếu Công Ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng	Số Cổ phiếu
Tổng số cổ phần phát hành	24,430,596
Số cổ phần đang lưu hành (chuyên nhượng tự do)	21,268,956
Cổ phần Cổ phiếu quỹ nắm giữ	3,161,640
Số cổ phần hạn chế chuyên nhượng	00
Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài	00

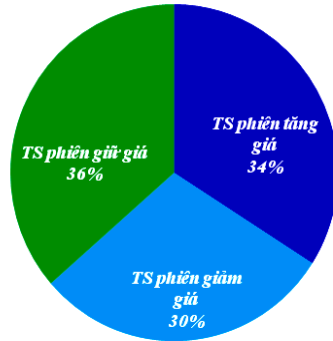
Tình hình giao dịch cổ phiếu TPC trên sàn HOSE năm 2016.

- Tổng số cổ phiếu giao dịch: 1,341,250 cp (tăng 143% so với 2015).
- Tổng số giá trị giao dịch: 10,339,000,000 đồng (tăng 160% so với 2015).
- Tăng/giảm của giá đóng cửa cuối năm so với đầu năm: +1,400 đồng/cp (tăng 22,6%).

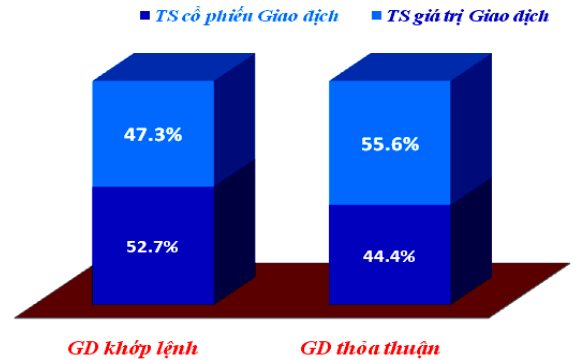
Biểu đồ Thị giá TPC năm 2016



Cơ cấu giá cổ phiếu TPC giao dịch năm 2016



Cơ cấu giao dịch cổ phiếu TPC năm 2016

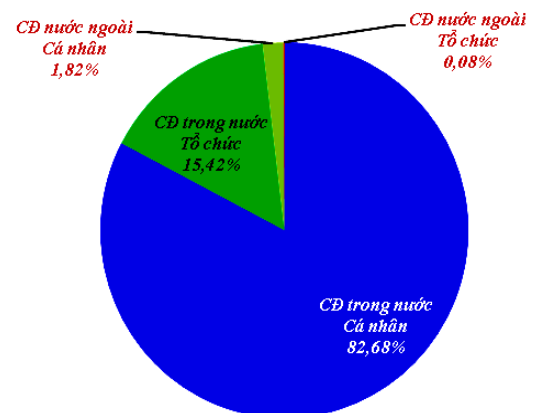
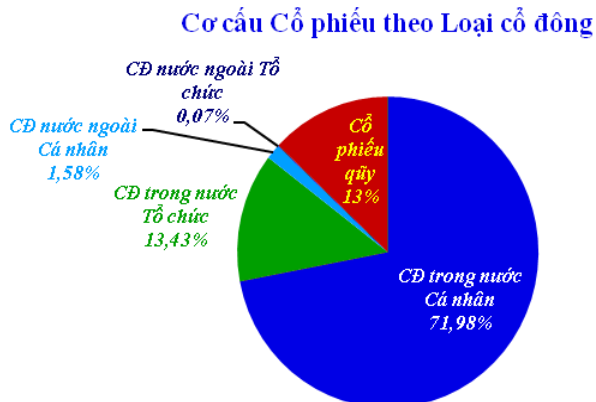


b) Cơ cấu cổ đông:

(Theo danh sách do TTLKCK TPHCM chuyển đến công ty ngày 23/03/2017)

Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%) sở hữu cổ phiếu	TS quyền biểu quyết	Tỷ lệ quyền biểu quyết
I. Cổ đông trong nước	766	20,866,074	85.41%	20,866,074	98.11%
1. Cá nhân	745	17,586,036	71.98%	17,586,036	82.68%
2. Tổ chức	21	3,280,038	13.43%	3,280,038	15.42%
II. Cổ đông nước ngoài	20	402,882	1.65%	402,882	1.89%
1. Cá nhân	17	386,632	1.58%	386,632	1.82%
2. Tổ chức	3	16,250	0.07%	16,250	0.08%
III. Cổ phiếu quỹ		3,161,640	12.94%	-	0%
TỔNG CỘNG	786	24,430,596	100.0%	21,268,956	100.00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông



c) Các cổ đông lớn của công ty:

TT	Tên cổ đông	Quốc tịch	TSCP sở hữu	% Sở hữu/TSCP
1	Lê Thị Mỹ Hạnh	Việt Nam	3,382,590	13.85%
2	Phạm Trung Cang	Việt Nam	3,223,220	13.19%

d) Tình hình giao dịch liên quan của các “Cổ đông lớn”: không giao dịch trong năm 2016.

e) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu :

Trong năm 2016, công ty không phát hành chứng khoán tăng vốn, không phát hành cổ phiếu thưởng, không trả cổ tức bằng cổ phiếu.

f) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2016.

g) Các chứng khoán khác:

Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

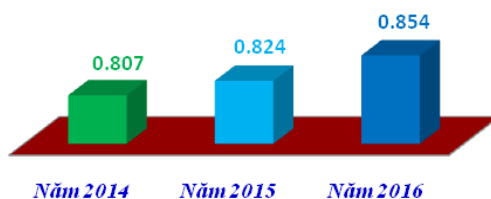
6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- a) **Tổng nguyên liệu được sử dụng năm 2016:** 10.212.223 Kg.
Tỷ lệ trên cao hơn mức của năm 2015 (là 36.1%) do tăng định lượng/sản phẩm và sản lượng.
- b) **Tỷ lệ nguyên liệu tái chế được sử dụng sản xuất năm 2016:** 9.11%
Tỷ lệ trên cao hơn mức của năm 2015 (là 8.9%), công ty đã sử dụng 100% phế tự có và phải mua thêm bên ngoài (nhưng phần lớn nguồn nhựa tái sinh mua ngoài không đáp ứng chất lượng, không sử dụng phù hợp).

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

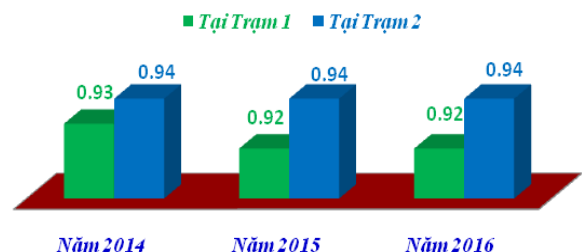
- a) **Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:**
- Lượng điện tiêu thụ trực tiếp cho sản xuất năm 2016: 8.852.580 Kw (tăng 10% so với năm 2015 do tăng sản lượng).
 - Lượng điện tiêu thụ của các bộ phận gián tiếp năm 2016 là 403.387 Kw (tăng 25% so với 2015, chủ yếu do tăng số lượng công nhân và gia đình sống trong khu lưu trú).
- b) **Báo cáo sang kiến tiết kiệm năng lượng:**
Tuy chưa sử dụng năng lượng tái tạo, nhưng công ty hết sức chú trọng việc tiết kiệm điện để giảm giá thành sản xuất thông qua các biện pháp sau đây:
- Lắp đặt hệ thống phụ tải điện hợp lý, kiểm soát hệ số cos Φ của điện kế tổng luôn đáp ứng được yêu cầu của ngành điện.
 - Liên tục cải tiến MMTB sản xuất, tăng năng suất máy kéo sợi, máy dệt, máy in; cải tạo hệ thống đèn và kiểm tra giám sát việc sử dụng tắt mở (xem chi tiết các phần sáng kiến, cải tiến được thừa nhận và khen thưởng trong các báo cáo năm).
 - Gắn các điện kế con tại mỗi phân xưởng để theo dõi, đánh giá lượng điện tiêu hao theo đơn vị sản phẩm, thông tin thường xuyên đến các bộ phận để kiểm tra điều chỉnh.
 - Kiểm tra loại bỏ các phụ tải không cần thiết, nghiêm cấm lạm dụng cho mục đích cá nhân (như mắc quạt điện riêng).

**Mức tiêu hao điện năng (Kw/kg thành phẩm)
(Tổng điện tiêu thụ/tổng SP tiêu thụ)**



Mức tiêu hao điện ở mức thấp so với trong ngành nhưng xu hướng tăng do tăng tái sinh nhựa và khu lưu trú.

Hệ số Cos Ψ



Ngành điện kiểm tra cos Φ định kỳ và đột xuất đều thừa nhận đạt và không phải tính bù tiêu hao.

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Trụ sở văn phòng sử dụng nguồn nước của TPHCM, nhà máy sử dụng nguồn nước của khu công nghiệp.
- Mức sử dụng năm 2016: 15.600 m³ (tăng 26% so với năm 2015 chỉ là 12.300 m³).

b) Tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng năm 2016 là 2.567 m³, đạt tỷ lệ 21% (năm 2015 là 3.120 m³, đạt tỷ lệ 20%).

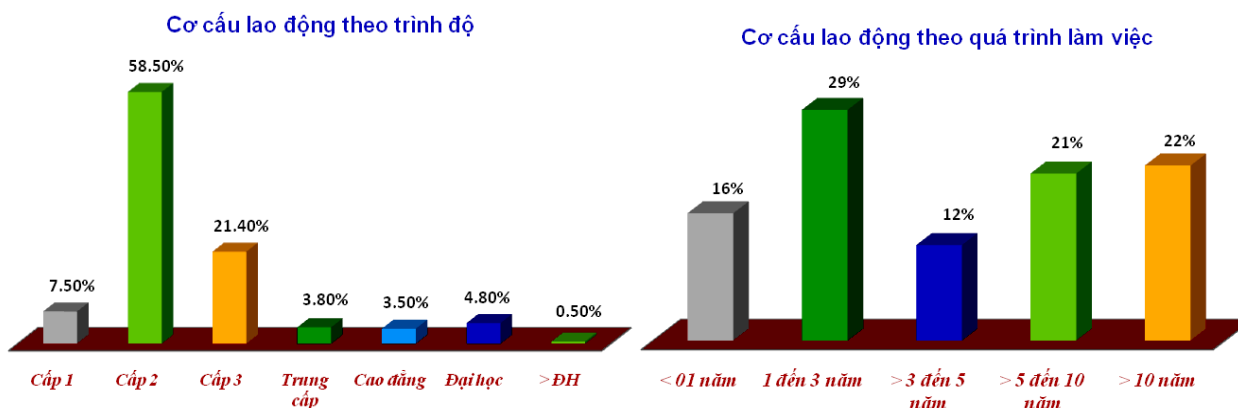
6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

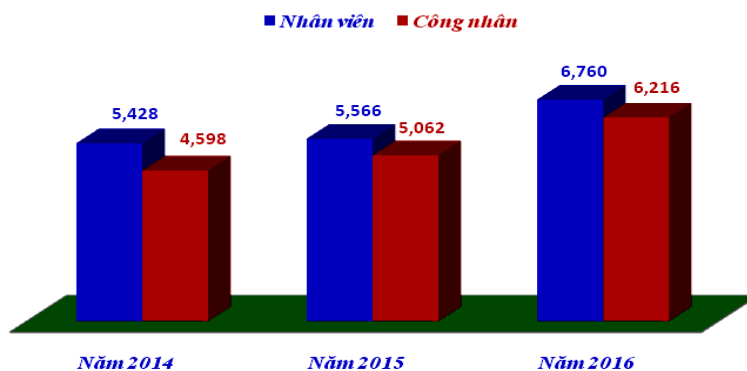
a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Tổng số lao động của công ty là 627 người: gồm 380 lao động nam, 247 lao động nữ. Trong đó lao động trực tiếp 520 lao động chiếm tỷ lệ 82,93% trên tổng số lao động.
- Tổng số lao động năm 2016 giảm 4% so với năm 2015, chủ yếu là công nhân trực tiếp sản xuất, nhưng tổng sản lượng so sánh tăng 9,3% do đầu tư MMTB mới, tăng năng suất lao động, tổ chức gia công ngoài một số công việc thủ công.
- Số lượng CBCN có thời gian làm việc hơn 1 năm tăng, phản ánh nghỉ việc giảm, tay nghề và kinh nghiệm nâng cao hơn.



- Thu nhập trực tiếp của CBNV bình quân năm 2016: tăng 22.5% so với 2015 (Do các hoạt động cải tiến MMTB, quy trình SX để nâng suất lao động), tiền thưởng cuối năm tăng 5% so với 2015 (mức thu nhập của CBNV công ty ở mức cao so với các doanh nghiệp khác cùng ngành bao bì nhựa).

Mức thu nhập bình quân tháng (Đvt ngàn đồng)



b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- ☐ Chế độ đóng BHXH, BHYT, BHTN: công ty trích đóng thay các khoản bảo hiểm bảo hiểm này cho toàn bộ cho người lao động (đây là chính sách đặc biệt so với các doanh nghiệp khác).
- ☐ Các chế độ thưởng: lương tháng 13 (mức bình quân thu nhập tháng trong năm), thưởng thâm niên, thưởng thành tích ABC (từ 1 đến 2 tháng thu nhập),
- ☐ Các chế độ chăm sóc, phúc lợi khác:
 - Có xe đưa rước CB-CNV từ các điểm tập trung đến nơi làm việc.
 - Đảm bảo thời gian nghỉ giữa ca, chế độ phép năm, chế độ phụ cấp tăng ca.
 - Tổ chức tham quan nghỉ mát và khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động; tặng quà tất cả dịp lễ tết (30/4, 2/9, tết Dương lịch, tết Âm lịch); có chế độ trợ cấp hợp lý các trường hợp tang chế, ma chay, cưới hỏi, thai sản, tai nạn lao động.
 - Tổ chức bếp ăn tập thể với diện tích 500m² trong khuôn viên công ty (bố trí 08 nhân viên nấu ăn & phục vụ, cung cấp bữa ăn giữa ca miễn phí cho CB-CNV Công ty, bếp ăn đạt GCN an toàn vệ sinh thực phẩm qua kiểm tra của ngành y tế địa phương).
 - Khu lưu trú với 50 phòng (gồm 40 phòng diện tích 60 m² /phòng và 20 phòng diện tích 32 m² /phòng) phục vụ chỗ ở miễn phí cho CB-CNV có nhu cầu. Tổng số CB-CNV ở lại khu lưu trú hiện nay là 350 người và một số người thân (49,1% tổng số lao động, chủ yếu là công nhân nhà ở xa).
 - Phối hợp với công đoàn tổ chức các phong trào văn thể mỹ kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm (hội thi bóng đá, karaoke, v.v...) chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- ☐ Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên như sau:
 - Đào tạo công nhân mới: 122 người, trong đó đào tạo lý thuyết là 488 giờ, đào tạo thực hành đứng máy là 1,222 giờ.
 - Đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân: 50 người, trong đó đào tạo lý thuyết là 100 giờ, đào tạo thực hành là 250 giờ.
 - Đào tạo về ATLĐ & vệ sinh lao động cho CNSX: 900 giờ.
 - Đào tạo về ATLĐ & vệ sinh lao động cho đội ngũ quản lý & nhân viên nghiệp vụ kỹ thuật: 240 giờ.
- ☐ Đào tạo khác:
 - Đào tạo về sử dụng an toàn hóa chất (theo hệ thống MSDS), sơ cấp cứu, công tác an toàn PCCC, chính sách về trách nhiệm xã hội BSCI & nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật cho đội ngũ quản lý và kỹ thuật Công ty.
 - Các chương trình phát triển kỹ năng (đa dạng tay nghề, có thể làm nhiều nghề tùy công nhân đăng ký, nhân viên đi học nâng cao nghiệp vụ) và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

- ☐ Công ty thu gom và tái chế và sử dụng lại 100% phế liệu phế phẩm, không xả nước thải trực tiếp vào môi trường, hệ thống thoát nước sinh hoạt được thu gom chung vào hệ thống của cụm công nghiệp, tất cả chất thải rắn khác đều được công ty thu gom, tập trung và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý (kể cả tại khu lưu trú); nghiên cứu áp dụng các công thức nguyên liệu để tăng dần tỷ lệ sử dụng nguyên liệu tái sinh hiệu quả nhằm giảm giá thành.
- ☐ Không ngừng cải tiến công nghệ MMTB kỹ thuật trong sản xuất, để giảm thiểu cường độ lao động và an toàn lao động trong sản xuất.
- ☐ Ưu tiên giải quyết việc làm tại địa phương, thông tin và vận động CBCNV góp phần giữ gìn ANTT, an toàn giao thông, xây dựng lối sống văn hóa trong quan hệ với dân cư địa phương.
- ☐ Tham gia các cuộc vận động từ thiện (với mức độ khác nhau): chăm sóc trẻ em nghèo do Hiệp Hội Nhựa Việt Nam tổ chức, các cuộc vận động của các địa phương (trụ sở và nhà máy) ủng hộ xây dựng nhà tình thương để ủng hộ chăm lo Tết cho người nghèo; hỗ trợ công đoàn Huyện Đức Hòa Long An trao học bổng cho con em CB-CNV gia đình khó khăn nhưng vượt khó (học sinh giỏi 3 năm liền).

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.

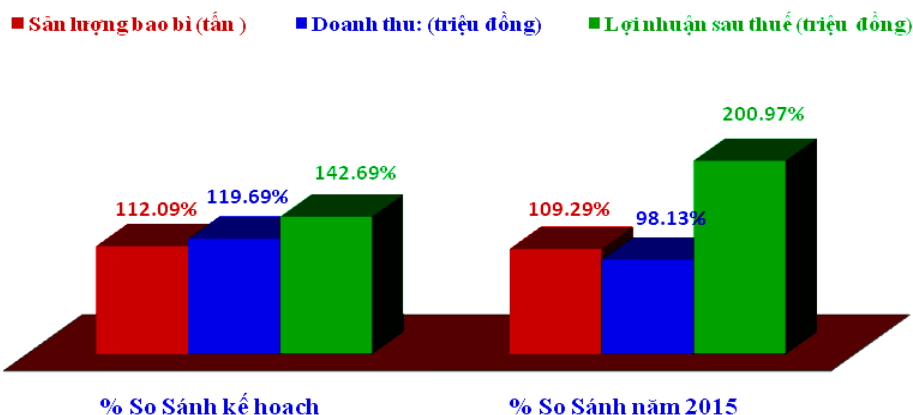
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Phân tích tổng quan.

□ **Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính như sau (bảng 1):**

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Thực hiện 2015	% So Sánh kế hoạch	% So Sánh năm trước
1	Sản lượng bao bì (tấn)	11,000	12,330	11,282	112.09%	109.29%
2	Doanh thu: (triệu đồng)	474,000	567,330	578,169	119.69%	98.13%
3	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	14,900	21,261	10,579	142.69%	200.97%

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu hoạt động chủ yếu so với kế hoạch



□ **Kết quả hoạt động năm 2016 (bảng 2):**

TT	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước	Tỷ lệ +/-
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	702,107,381,535	707,016,258,476	-0.69%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	702,107,381,535	707,016,258,476	-0.69%
4	Giá vốn hàng bán	649,997,979,594	658,109,440,175	-1.23%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	52,109,401,941	48,906,818,301	6.55%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	11,918,495,486	13,583,301,172	-12.26%
7	Chi phí tài chính	10,093,541,756	22,409,203,919	-54.96%
8	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	
9	Chi phí bán hàng	12,577,232,022	12,433,159,841	1.16%
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	19,851,761,373	18,328,694,596	8.31%
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	21,505,362,276	9,319,061,117	130.77%
12	Thu nhập khác	4,991,097,011	4,317,660,901	15.60%
13	Chi phí khác	51,119,912	216,174,898	-76.35%
14	Lợi nhuận khác	4,939,977,099	4,101,486,003	20.44%
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26,445,339,375	13,420,547,120	97.05%
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5,183,837,903	2,840,863,125	82.47%
17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21,261,501,472	10,579,683,995	100.97%
19	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	21,261,501,472	10,579,683,995	100.97%
20	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,000	497	101.21%

Lợi nhuận năm 2016 Công ty đạt 21.261 triệu so với kế hoạch 14.900 triệu (*vượt 6.361 triệu đồng tương ứng tỷ lệ tăng 42,69%*), so với cùng kỳ năm trước tăng 10.681 triệu đồng (*tương ứng tăng 100,97%*) do những nguyên nhân như sau:

- *Sản lượng bán hàng* đạt 12.330 tấn so với kế hoạch tăng 1.330 tấn tương ứng tỷ lệ tăng 12,1%
- *Doanh thu bao bì*: đạt 567.330 triệu đồng so với kế hoạch tăng 93.330 triệu đồng, giảm nhẹ so với năm trước, nhưng lãi gộp cải thiện tăng trưởng 6,55% đạt 52.109 triệu đồng, bởi vì
- *Chi phí giá vốn*: giảm, do đầu tư mới máy móc thiết bị, thanh lý máy cũ, tăng năng suất, tăng sản lượng, giảm chi phí sản xuất qua các chương trình cải tiến: cơ cấu tiền lương công nhân bám sát hiệu quả sản xuất, thường xuyên kiểm soát chi phí tiêu nguyên vật liệu, giảm các chi tiêu sản phẩm hỏng, chi phí phế liệu phế phẩm trong sản xuất; tối ưu hóa hàng tồn kho không cần thiết cho sản xuất, tiết giảm chi phí vốn và chi phí lãi vay, cụ thể trong năm 2016 số vòng quay hàng tồn kho đạt 6,66 lần so với năm 2015 là 4,54 lần tăng 2,12 lần tương ứng tỷ lệ tăng 46,7%, đồng thời yếu tố giá nguyên vật liệu đầu vào năm 2016 so với năm 2015 giảm 12%, cũng là nguyên nhân làm tăng lợi nhuận (*tuy nhiên, nếu giá nguyên vật liệu tăng trở lại sẽ là trở ngại cạnh tranh bán hàng năm 2017, vì xu hướng giá bán tăng khách hàng khó chấp nhận ngay, mà phải có quá trình và thời gian từ hai đến ba tháng sau khách hàng mới chấp nhận, giá bán cũng tăng nhưng không tăng tương ứng giá nguyên vật liệu đầu vào*).
- *Lợi nhuận từ các hoạt động đầu tư ngắn và dài hạn khác*: đạt 6,764 triệu đồng gồm: lãi tiền gửi, lãi thoái vốn tại Cty Cổ phần Xây Dựng Tân Đô và thu nhập kinh doanh bất động sản.

b) Những tiến bộ Công ty đạt được trong năm .

- *Về Marketing*: Bộ phận kinh doanh ngoài phương thức tiếp cận khách hàng vốn có, đã đăng ký tham gia vào mạng “online” của một tập đoàn toàn cầu (*chủ yếu để quảng bá rộng hơn*).
- *Về chính sách lao động*: tính lương một đơn giá cho tất cả các PX sản xuất nhằm kích thích năng suất.
- *Về Máy móc thiết bị*: Đầu tư thêm một số MMTB sản xuất, khuyến khích & áp dụng nhiều sáng kiến cải tiến MMTB của CBCNV mang lại nhiều kết quả rõ nét về tiết kiệm chi phí, tăng năng suất sản lượng và góp phần đảm bảo chất lượng sản phẩm.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

- *So Sánh giá trị tài sản và nguồn vốn tại ngày 31/12/2016 và cuối kỳ năm trước. (Bảng 3)*

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm	So sánh (+/-)	% tăng giảm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	392,268,788,464	373,625,828,567	18,642,959,897	5.0%
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	54,995,857,156	82,364,036,940	(27,368,179,784)	-33.2%
<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	142,744,000,000	66,127,777,778	76,616,222,222	115.9%
<i>Các khoản phải thu</i>	104,381,717,435	92,812,180,929	11,569,536,506	12.5%
<i>Hàng tồn kho</i>	81,826,829,528	117,276,375,172	(35,449,545,644)	-30.2%
<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	8,320,384,345	15,045,457,748	(6,725,073,403)	-44.7%
TÀI SẢN DÀI HẠN	207,554,273,457	161,103,845,248	46,450,428,209	28.8%
<i>Tài sản cố định</i>	51,998,662,570	39,417,717,480	12,580,945,090	31.9%
<i>Bất động sản đầu tư</i>	-	-		
<i>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	54,995,821,949	14,728,085,352	40,267,736,597	273.4%
<i>Tài sản dài hạn khác</i>	100,559,788,938	106,958,042,416	(6,398,253,478)	-6.0%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	599,823,061,921	534,729,673,815	65,093,388,106	12.2%
NỢ PHẢI TRẢ	284,773,295,980	228,180,035,747	56,593,260,233	24.8%
<i>Nợ ngắn hạn</i>	284,773,295,980	208,761,670,307	76,011,625,673	36.4%
<i>Nợ dài hạn</i>	-	19,418,365,440	(19,418,365,440)	-100.0%
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	315,049,765,941	306,549,638,068	8,500,127,873	2.8%
<i>Vốn chủ sở hữu</i>	315,049,765,941	306,549,638,068	8,500,127,873	2.8%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	599,823,061,921	534,729,673,815	65,093,388,106	12.2%

□ **So Sánh các chỉ số tài chính năm 2016 và năm 2015 (bảng 4)**

Chỉ tiêu-chỉ số	2016	2015	Tỷ lệ +/-
Tổng Tài Sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài Sản (%)	65.40%	69.87%	-6.4%
Tài sản Dài hạn/Tổng Tài Sản (%)	34.60%	30.13%	14.8%
Nợ phải trả			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (%)	47.50%	42.67%	11.3%
Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%)	52.50%	57.33%	-8.4%
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (%)	90.40%	74.33%	21.6%
Tỷ Số Lợi nhuận			
Tỷ Số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (LN biên)	3.00%	1.50%	100.0%
Tỷ Số Lợi nhuận/ tổng tài sản (ROA)	3.50%	1.98%	76.8%
Tỷ Số Lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	6.70%	3.45%	94.2%
Tỷ Số Lợi nhuận/ Vốn Cổ phần	8.70%	4.33%	100.9%
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.09	1.25	-12.8%
Hệ số thanh toán nhanh	0.19	0.17	11.8%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	6.66	4.54	46.7%
Doanh thu thuần trên tổng tài sản	1.24	1.32	-6.1%

□ **Tài sản:**

Tổng giá trị tài sản cuối năm 2016 so với năm 2015 tăng 65.093 triệu đồng, gồm các chỉ tiêu như sau:

- **Tài sản ngắn hạn:** tăng 18.642 triệu đồng, trong đó đầu tư tiền gửi ngắn hạn tăng 76.616 triệu đồng, nợ phải thu tăng 11.569 triệu đồng, trong khi đó trị giá hàng tồn kho giảm 35.449 triệu đồng, tương ứng tỷ lệ giảm 30,2% , tiền các khoản tương đương tiền và tài sản ngắn hạn khác giảm 34.093 triệu đồng, tương ứng tỷ lệ giảm 77,9% so với năm trước.
- **Tài sản dài hạn:** tăng 46.450 triệu đồng (tăng 28,8%), do các chỉ tiêu hoạt động như sau: tài sản dài hạn khác giảm 6.398 triệu đồng, trong khi đầu tư tài chính dài hạn tăng 40.267 triệu và đầu tư mua mới máy móc thiết bị với giá trị 1.033.060 usd.

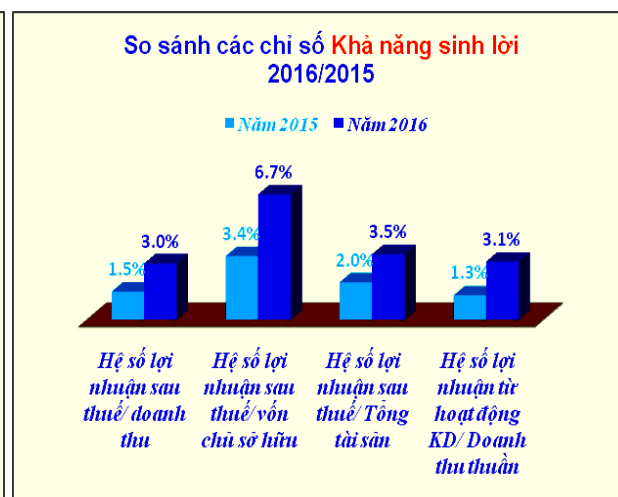
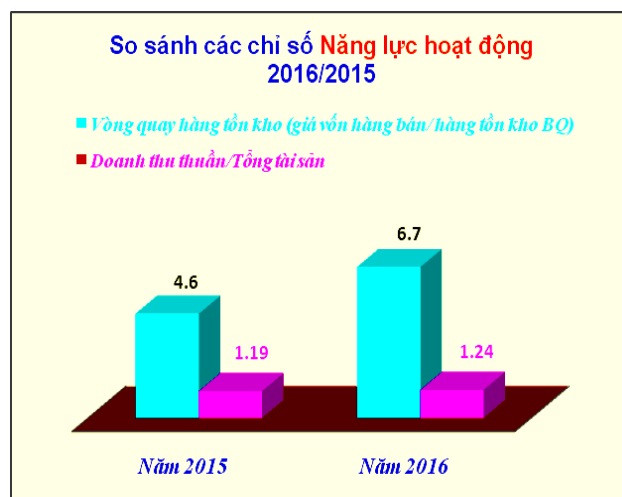
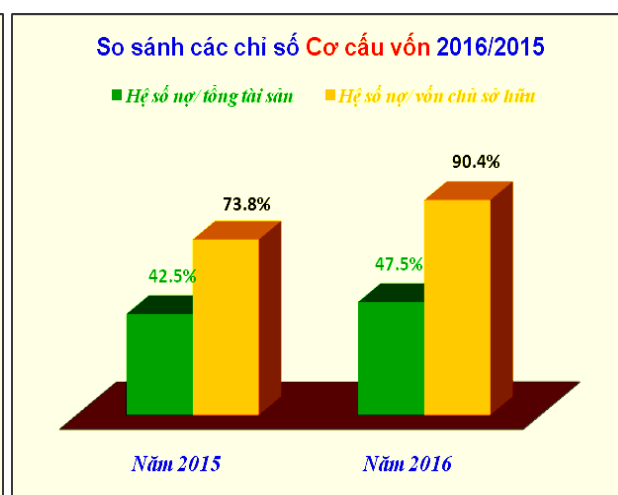
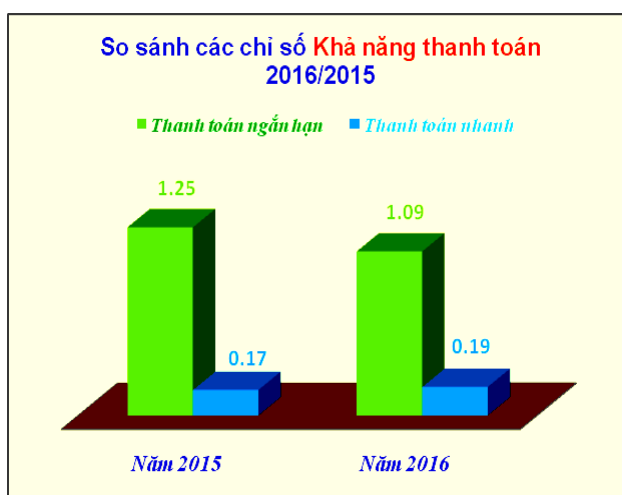
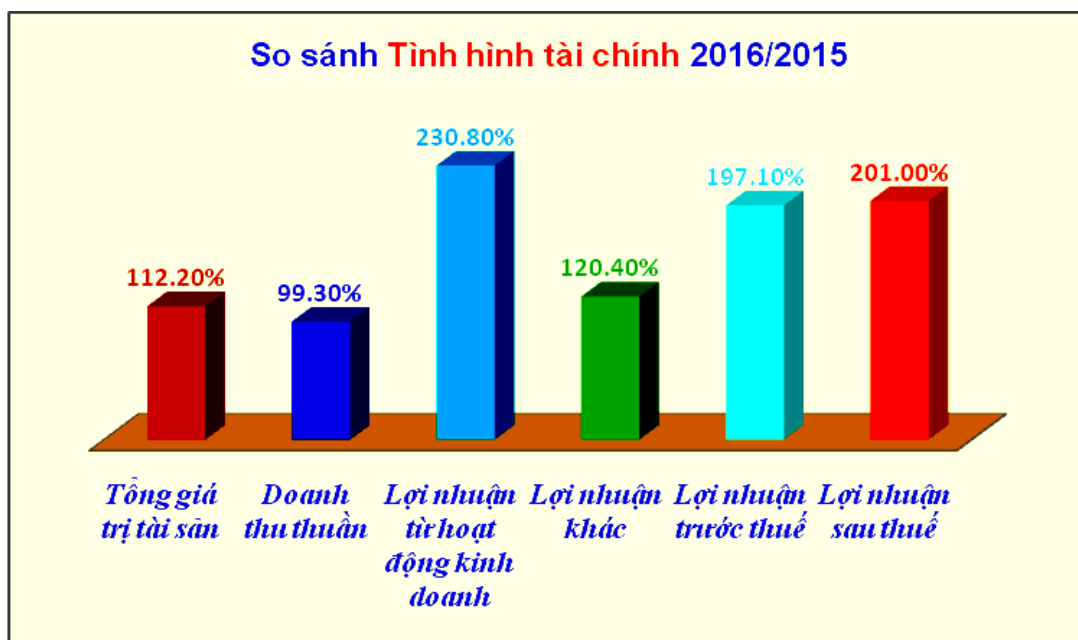
□ **Nguồn vốn và nợ phải trả:**

Tổng giá trị nguồn vốn đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 so với cuối năm 2015 tăng 65.093 triệu đồng, tương ứng tăng 12%, trong đó:

- Chỉ tiêu nợ dài hạn năm 2016 so với năm 2015 giảm 19.418 triệu đồng.
- Chỉ tiêu nợ ngắn hạn năm 2016 so với năm 2015 tăng 76.011 triệu đồng, chủ yếu là đi vay ngắn hạn ngân hàng để thanh toán nguyên vật liệu nhập khẩu .

Tóm lược, trong năm 2016 với tình hình tỷ giá đồng usd ổn định, giá nguyên vật liệu giảm , với sự kiểm soát thường xuyên các khoản phải thu, phải trả, kiểm soát cân đối dòng thu và dòng chi hợp lý kịp thời, đáp ứng nội lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh được kịp thời, chú trọng quản lý rủi ro, Công ty Tân Đại Hưng đã đạt được những kết quả tốt, được thể hiện qua các chỉ số tài chính như vòng quay hàng tồn kho năm 2016 so với năm 2015 tăng 2,12 lần, các chỉ số lợi nhuận trên các chỉ tiêu doanh thu, hệ số lợi nhuận trên tài sản và hệ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đều tăng, từ 76,8 % đến 100% so với cùng kỳ năm trước.

Các biểu đồ so sánh các chỉ số tài chính giữa năm 2016 với năm 2015:



3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

a) Về cơ cấu tổ chức

- ☐ Sắp xếp một số công đoạn, chuyển PX3 chỉ chuyên chức năng cắt trong qui trình sản xuất.
- ☐ Tổ chức lại ca làm việc tại nhóm in Olger nhằm hạn chế thời gian lên xuống mực tối đa hóa thời gian vận hành máy, Sắp xếp lại nhân sự nhóm Kiểm hàng, LDPT, In nhằm tinh gọn nhân sự.
- ☐ Sắp xếp & bố trí lại mặt bằng các kho.
- ☐ Cải tiến quy trình công việc ở một số công đoạn Kéo sợi, Dệt, Cắt, In, LDPT.

b) Về chính sách quản lý

- ☐ Khảo sát xác định lại định mức lao động thực tế sau khi cải tiến MMTB và tại các MMTB mới làm cơ sở điều chỉnh lại định mức lương thưởng.
- ☐ Triển khai các chính sách khen thưởng sáng kiến cải tiến góp phần cải tiến máy móc thiết bị, quy trình SX nhằm tăng năng suất, sản lượng, chất lượng (*khen thưởng cho sáng kiến cải tiến năm 2016 là 50.000.000 đồng*).

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

a) Định hướng chung:

- ☐ Xác định và tập trung phát triển các giá trị cốt lõi của Tân Đại Hưng như các sản phẩm chủ lực, nguồn khách hàng ổn định và đội ngũ nhân sự tâm huyết để củng cố và nâng cao lợi thế cạnh tranh, trở thành doanh nghiệp bao bì có tiềm lực và uy tín nhất Việt Nam.
- ☐ Đầu tư thêm máy móc thiết bị mới nhằm tăng năng suất sản lượng & chất lượng sản phẩm.
- ☐ Tiếp tục cải tiến MMTB thiết bị và quy trình sản xuất sản phẩm, hạn chế tối đa việc sử dụng lao động nhằm tinh gọn bộ máy, giảm chi phí sản xuất tăng sức cạnh tranh đối tất cả các mặt hàng sản xuất.
- ☐ Cải tiến hệ thống quản lý chất lượng, đồng thời nâng cao vai trò chủ động của các phân xưởng sản xuất trong việc kiểm soát tình hình chất lượng sản phẩm.
- ☐ Nâng cao trình độ chuyên môn và tiếp cận các công nghệ mới để tăng hiệu quả sản xuất và giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh.

b) Về hoạt động kinh doanh và cung ứng:

- ☐ Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tiếp thị tìm kiếm thêm khách hàng mới & tiềm năng. Trong đó ưu tiên xuất khẩu. Tăng cường hoạt động chăm sóc khách hàng, chú trọng thu thập và phân tích thông tin về xu hướng thị trường và đối thủ cạnh tranh để có các chính sách thị trường phù hợp và hiệu quả. Tăng thị phần ở những khách hàng cũ với những khách hàng thanh toán tốt & đầy tiềm năng. Linh hoạt trong việc đàm phán về giá (*chính sách giá hợp lý để ưu tiên nhận đơn hàng có số lượng lớn*).
- ☐ Phối hợp P.KTTC để thường xuyên theo dõi tình hình công nợ bán hàng, qua đó xác định chiến lược bán hàng đối với từng khách hàng.

c) Về Kỹ thuật Công nghệ và Chất lượng sản phẩm:

- ☐ **Công nghệ:**
 - Duy trì giám sát công thức và nguyên liệu sử dụng PX kéo sợi.
 - Cải tiến chất lượng taical, tận dụng các nguyên liệu, phụ gia tồn kho để giảm giá thành sản xuất.
 - Cải tiến giảm điện năng phân xưởng kéo sợi.
- ☐ **Quản lý chất lượng:**
 - Đào tạo QA về nhận thức chất lượng “first in time”, phòng ngừa là chính.
 - Tuân thủ phương pháp lấy mẫu kiểm tra nhằm hạn chế tối đa mặt trái của phương pháp kiểm tra xác suất.
 - Tăng cường các hoạt động giám sát, kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ qui định, qui trình đảm bảo chất lượng nội bộ và bên ngoài, hiệu quả của hành động khắc phục phòng ngừa tại các phân xưởng và cơ sở gia công.
 - Dự báo, cảnh báo lỗi chất lượng tiềm ẩn, tham mưu các giải pháp khắc phục phòng ngừa hiệu quả.

- ☐ **Kỹ thuật Cơ điện:**
 - Tăng năng suất, sản lượng máy sợi S8.
 - Bảo trì, sửa chữa tốt các máy dệt 12 thoi và 8 thoi.
 - Tiếp tục cải tiến năng suất máy tráng, tăng công suất ghép màng (*chồng hình tự động*).
 - Tăng năng suất máy in Olger lên 70 mét/Phút; Chuyển máy in Olger số 1 từ cắt cái sang quấn cuộn. Tăng năng suất máy in lên tốc độ 70 mét/phút.
 - Triển khai mô hình sản xuất vải địa và Aquadam.
 - Kiểm soát các hệ thống nhằm tiết kiệm điện nước, phòng tránh thất thoát lãng phí.

d) Về sản xuất và gia công:

- ☐ Duy trì hợp triển khai kế hoạch tháng từ ngày 06 – 09 hằng tháng , giao ban sản xuất hằng ngày, hội ý nhanh các ý kiến các TBP, quản lý SX để thống nhất các mục tiêu công việc hằng ngày cho thật thuận lợi và nhanh chóng .
- ☐ Tuân thủ Quy trình sản xuất đã được ban hành .
- ☐ Giải quyết tất cả các sự cố về chất lượng sản phẩm và MMTB trong vòng 24h.
- ☐ Thực thi hiệu quả 07 trọng tâm của sản xuất : (1) Kiểm soát sản lượng, trọng lượng và năng suất, đảm bảo lịch giao hàng. (2) Giảm lỗi và chống sót lỗi. (3) Tiết kiệm giảm chi phí vật tư kỹ thuật. (4) Kiểm soát giảm thời gian ngừng máy. (5) Tiết kiệm điện và nhiên liệu. (6) Giảm phế liệu phế phẩm. (7) Duy trì trật tự vệ sinh, phòng chống côn trùng và tai nạn lao động.
- ☐ Tuân thủ việc báo cáo dữ liệu chính xác, kịp thời và đúng ngày theo qui định cho BGĐ & các Trưởng bộ phận và quản lý phân xưởng.
- ☐ Điều hành gia công đạt vượt chỉ tiêu kế hoạch 2017.

e) Về Hành Chính Nhân Sự:

- ☐ Cấu trúc công ty, Cơ cấu nhân sự, Quy trình và chính sách: Tiếp tục sắp xếp nhân sự ở một số bộ phận gián tiếp nhằm hợp lý và tinh gọn bộ máy. Phối hợp với bộ phận Kỹ thuật và Sản xuất thực hiện đồng thời các giải pháp, kiểm soát giờ giấc làm việc, cải tiến MMTB, quy trình sản xuất, sắp xếp phân bổ máy hợp lý .v.v.... nhằm tăng năng suất lao động.
- ☐ Tuyển dụng: bổ sung ở các khâu có đầu tư thêm MMTB mới, thay thế các vị trí không đạt yêu cầu công việc. Cải tiến hoạt động tuyển chọn và sàng lọc trong tuyển dụng nhằm giảm tỷ lệ bỏ việc trong giai đoạn thử việc & đào tạo.
- ☐ Đào tạo: Triển khai đầy đủ các chương trình đào tạo định kỳ hàng năm đã được phê duyệt. Đặc biệt chú trọng đào tạo *nâng cao tay nghề* của công nhân yếu kém và *sàng lọc* những lao động không đạt yêu cầu.
- ☐ An toàn lao động và Vệ sinh công nghiệp: Giám sát chặt chẽ công tác đảm bảo An toàn lao động, rà soát các điểm có rủi ro xảy ra TNLD, thực hiện các biện pháp cải tiến máy móc để giảm nguy cơ TNLD, thường xuyên nhắc nhở CB-CNV luôn đề cao cảnh giác để đảm bảo An toàn lao động . Trong đó, trọng tâm là cải tiến MMTB để ngăn ngừa TNLD. Hỗ trợ các PX trong việc tổ chức sàng lọc, sắp xếp mặt bằng tại phân xưởng. Duy trì công tác kiểm tra An toàn -VSCN định kỳ hàng tuần. Nhấn mạnh vai trò của quản lý trực tiếp (Tổ trưởng, QLPX) trong công tác đảm bảo ATLĐ-VSCN..
- ☐ An ninh trật tự: Duy trì hệ thống giám sát an ninh tại nhà máy, tiếp tục nâng cấp đội ngũ bảo vệ. Duy trì nghiêm công tác tuần tra, kiểm soát của tổ bảo vệ. Nhằm mục tiêu đảm bảo không xảy ra mất cắp, mất An ninh trật tự tại công ty.

f) Về tài chính kế toán:

- ☐ Duy trì sự ổn định về nhân sự PKT; đào tạo bổ sung, cập nhật thông tin chính sách Kế toán tài chính và nghiệp vụ quản lý Kho. Phối hợp chặt chẽ với P.HCNS, KHSX nhằm sắp xếp Kho bãi và thiết lập bổ sung quy trình xuất nhập Kho.
- ☐ Phối hợp thường xuyên với Phòng Kinh Doanh cng ứng trong việc thu hồi công nợ bán hàng và công nợ trả chậm.
- ☐ Thực hiện tốt hơn việc quản lý các chi phí, chống thất thoát hoặc lãng phí góp phần đạt mục tiêu kế hoạch lợi nhuận 2017.
- ☐ Đảm bảo tình hình Tài chính ổn định và lành mạnh; quản trị rủi ro tốt không để xảy ra bất cứ sự cố và hệ lụy nào trong năm 2017.

5. Ý kiến của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Nhất trí hoàn toàn với ý kiến của kiểm toán công ty A&C (trong chứng thư bên dưới).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội.

Tóm lược như sau:

a) Về môi trường:



Công ty đã và đang chủ động thực hiện :

- Tiết kiệm điện nước để giảm chi phí hoạt động.
- Gia tăng sử dụng vật liệu tái sinh.
- Thu gom 100% chất thải rắn và không xả thải trực tiếp ra môi trường đúng theo các qui định, được đánh giá tốt sau các lần kiểm tra định kỳ và đột xuất của cơ quan thẩm quyền.

b) Về người lao động:



Nguồn nhân lực được xem là tài sản quý của công ty, được công ty tôn trọng ứng xử theo chuẩn mực văn hóa.

Ban giám đốc đã thực thi đầy đủ các chính sách chăm sóc đãi ngộ chăm lo công ăn việc làm, ổn định và tăng dần thu nhập đối với cán bộ nhân viên và công nhân, tạo điều kiện để xây dựng quan hệ con người lành mạnh, giao lưu vui chơi văn nghệ thể thao, không xảy ra tranh chấp lao động trong năm 2016.

c) Về đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Ban giám đốc tham dự đầy đủ các cuộc họp theo thư mời của các cấp thẩm quyền, tham gia tất cả các cuộc vận động từ thiện tài trợ của chính quyền địa phương (trụ sở văn phòng và nhà máy), nắm vững tình hình và phối hợp thực hiện theo các yêu cầu của địa phương về ANTT, giải quyết việc làm, bảo vệ môi trường.



Công ty TNHH TĐH (công ty con, nhà máy) trong Cụm Công nghiệp Nhựa Đức Hòa, Long An.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.



Đánh giá tổng thể:

Trong bối cảnh phức tạp của các địa bàn hoạt động và đương đầu với cạnh tranh khốc liệt, tổ chức của công ty vẫn ổn định, hoạt động và quan hệ đúng theo điều lệ quy chế, trong khuôn khổ luật pháp.

Quản trị và điều hành thực thi đúng theo định hướng chiến lược sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, các chỉ tiêu hoạt động chủ yếu của năm 2016 đều đạt vượt mong đợi, tài sản và nguồn vốn tăng, tài chính lành mạnh, củng cố và phát triển uy tín thương hiệu và thị phần của công ty.

a) Hoạt động kinh doanh và cung ứng gia công đầu vào

- Hoạt động thông tin 2 chiều với khách hàng được tăng cường, thu thập và phân tích những thông tin về thị phần, giá cả, thị trường, đối thủ cạnh tranh để có các chính sách phù hợp và hiệu quả; phản ánh kịp thời mong muốn và yêu cầu của khách hàng về chất lượng sản phẩm để cải tiến và đáp ứng. Đẩy mạnh hoạt động tiếp thị, tìm kiếm khách hàng mới và tiềm năng, ưu tiên thị trường xuất khẩu, tăng thị phần những khách hàng cũ và những khách hàng thanh toán tốt và tiềm năng (chủ yếu cho các công ty thức ăn gia súc).
- Khai thác thị trường, linh hoạt điều chỉnh kế hoạch đơn hàng và cơ cấu sản phẩm (tăng lưới tròn, bao PE, bao PP và PP tráng nhằm bù cho nhóm sản phẩm khác có đơn hàng giảm) để giữ vững thị phần, sản lượng đạt 119,09%, giúp ổn định sản xuất và gia công; linh hoạt đàm phán về giá, ưu tiên nhận đơn hàng có lợi nhuận cao và số lượng lớn, doanh thu đạt 119,69% chỉ tiêu. góp phần quan trọng để công ty đạt 142,59% chỉ tiêu lợi nhuận năm 2016.
- Cung ứng nguyên liệu vật tư dụng cụ phụ tùng kỹ thuật, gia công vật tư đầu vào đáp ứng yêu cầu kịp thời, chất lượng và chi phí hợp lý.
- Phối hợp với kế toán tài chính thường xuyên theo dõi công nợ bán hàng, thông qua đó xác định chiến lược bán hàng đối với từng khách hàng, phối hợp với các bộ phận thống nhất đưa ra các giải pháp tối ưu về sản xuất và lợi nhuận.

Đánh giá chung: CBCNV phòng kinh doanh cung ứng ổn định, thể hiện năng động và trách nhiệm cao, thực hiện xuất sắc các nhiệm vụ và yêu cầu trong kế hoạch kinh doanh năm 2016, gắn kết phối hợp hỗ trợ nhiều mặt đối với các bộ phận sản xuất.

b) Hoạt động đảm bảo chất lượng

- Duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO, cập nhật các qui trình thủ tục và tổ chức đánh giá nội bộ hiệu quả; các thông số kỹ thuật và yêu cầu chất lượng sản phẩm được thông tin rộng rãi trước khi triển khai sản xuất.
- Thực hiện tốt việc cảnh báo chất lượng cho bộ phận sản xuất, ĐVGC, các nhà cung cấp nguyên phụ liệu nhằm phòng ngừa sự cố chất lượng.
- Thực hiện đúng các yêu cầu kiểm tra chất lượng sản phẩm, cung cấp đầy đủ chính xác các thông tin về lỗi chất lượng, nguyên nhân, các biện pháp khắc phục phòng ngừa và yêu cầu cải tiến đến từng công nhân, phân xưởng và các đơn vị gia công.

Đánh giá chung: đội ngũ CBNV khá ổn định, hoàn thành tốt các chức năng nhiệm vụ và yêu cầu trong năm 2016, nâng cao ý thức trách nhiệm về chất lượng của bộ máy sản xuất gia công, góp phần giảm phế, tăng sản lượng, đáp ứng thời hạn giao hàng, giảm giảm 1/2 khiếu nại của khách hàng còn so với năm 2015.

c) Hoạt động Công nghệ, Kỹ thuật cơ điện

- Thử nghiệm 28 lần thay đổi công thức phối trộn nguyên liệu tăng sử dụng nhựa tái sinh trong các đơn hàng đạt tỷ lệ thành công 78,6%, triển khai và giám sát áp dụng các công thức nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm. Cung cấp đúng đủ và kịp thời sản phẩm mẫu và các thông tin liên quan.
- Xác định các thông số kỹ thuật, tham gia đàm phán, tiếp nhận và hoàn tất việc lắp đặt các máy móc thiết bị mới hoạt động đạt yêu cầu, phối hợp các bộ phận chức năng và phân xưởng hướng dẫn kỹ thuật xếp đáy gấp đôi, tăng sản lượng và lấy lại định mức khâu cắt.
- Thực hiện tốt hoạt động bảo trì định kỳ và sửa chữa hư hỏng MMTB phát sinh, đáp ứng các yêu cầu kịp thời, tiết kiệm vật tư kỹ thuật; điều chỉnh tăng dần tốc độ máy ghép và tráng, máy cắt may tự động, máy in mới; cải tiến hệ thống giải nhiệt vải sau tráng, khắc phục vải nhăn sau thời gian lưu kho; lắp đặt hoàn tất hệ thống châm dung môi tự động máy in và hệ thống quây mực in; cải tiến hệ thống cắt cái sang quần cuộn máy in.
- Giám sát kiểm tra sử dụng và an toàn điện theo các định mức và qui định.

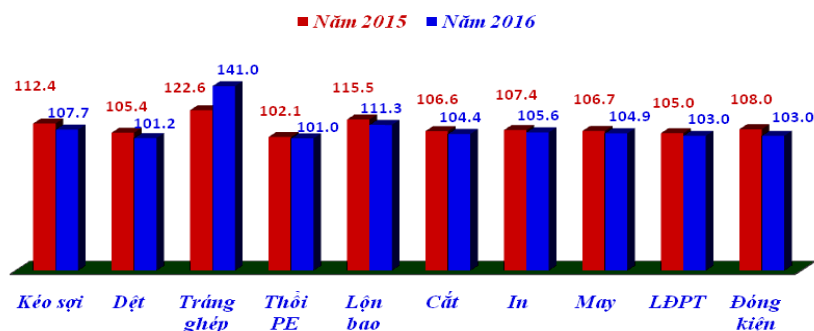
Đánh giá chung : đội ngũ CBNV công nghệ kỹ thuật ổn định, đã hoàn thành tốt các chức năng nhiệm vụ và yêu cầu phục vụ sản xuất trong năm 2016, đặc biệt là trong hoạt động kiểm soát nguyên liệu, lắp đặt các MMTB mới và cải tiến các thông số kỹ thuật vận hành MMTB, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất.

d) Hoạt động sản xuất và gia công sản xuất

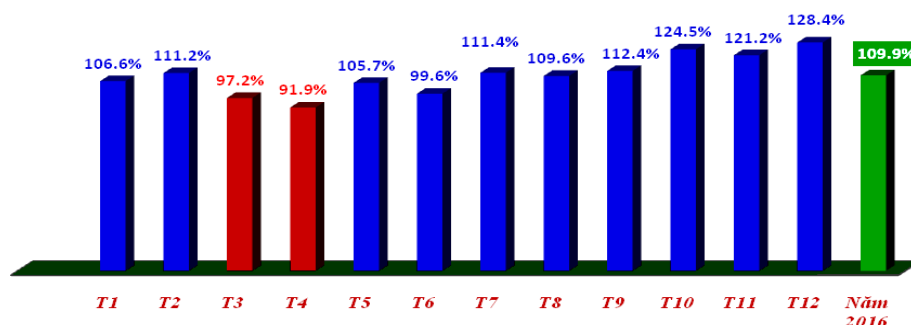
- Hoạt động kế hoạch điều độ sản xuất đã duy trì được sự liên hệ mật thiết giữa bộ phận kinh doanh với sản xuất trong xác định năng lực sản xuất nội bộ và gia công, hoạch định tốt kế hoạch sản xuất, bảo đảm tiến độ giao hàng trước khi ký kết đơn hàng.
- Chế độ triển khai KHSX tháng và Lệnh sản xuất hàng ngày đến các PXSX được thực thi nghiêm túc, hoạt động điều độ sản xuất nhìn chung là hợp lý theo thứ tự ưu tiên của đơn hàng
- Làm tốt công tác thống kê sản xuất và cung cấp thông tin cần thiết đến các phân xưởng và cho các bộ phận có nhu cầu. Kiểm tra giám sát kịp thời, phát hiện điều chỉnh nhanh những sai sót về qui trình, sản lượng, chất lượng sản phẩm.
- Năm 2016, trong điều kiện cơ cấu sản phẩm thay đổi, đơn hàng có lúc không đồng bộ, thay thế và lắp đặt thêm nhiều MMTB mới, thiếu công nhân trực tiếp phải mất thời gian tuyển dụng đào tạo thay thế, hoạt động quản trị sản xuất và gia công may đã đạt những kết quả:
 - Năng suất các công đoạn trong qui trình của nhà máy đều đạt cao hơn định mức.
 - Sản lượng tăng 112,2% so với chỉ tiêu, đạt 109,9% các chỉ tiêu nội bộ hàng tháng.
 - Không có trường hợp trễ thời hạn giao hàng.
 - Chất lượng: tỷ lệ phản nản khiếu nại sau khi giao hàng giảm ½ so với năm 2015.
 - Tỷ lệ phế/thành phẩm được kèm ché, đạt 5,7% (thấp hơn chỉ tiêu cho phép 6%).

Đánh giá chung: hoạt động sản xuất gia công, CBNV kế hoạch điều độ và các CBQL sản xuất tại các phân xưởng đã hoàn thành xuất sắc vai trò chức năng nhiệm vụ và các mục tiêu sản xuất năm 2016, góp phần quan trọng vào kết quả hoạt động của công ty năm 2016.

Năng suất lao động 2016 so với định mức (%)



Kết quả sản lượng so với kế hoạch 2016



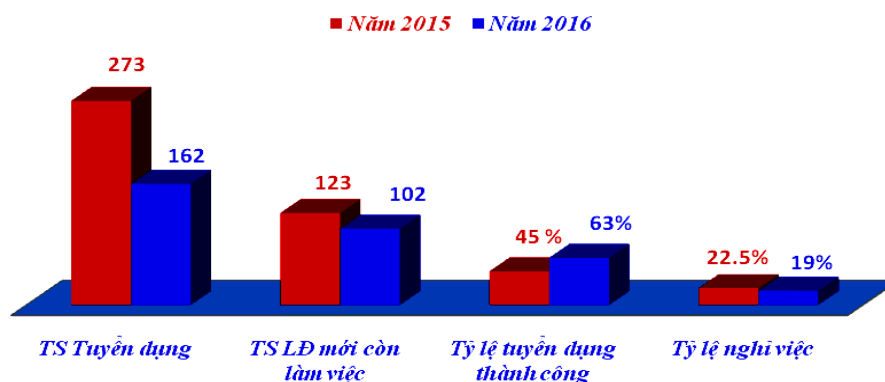
e) Hoạt động hành chính và nhân lực

- Công tác tuyển dụng về cơ bản đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu nhân sự cho sản xuất, tuy nhiên tỷ lệ nghỉ việc mới còn ở mức cao dù có giảm so với năm 2015, thời điểm cuối năm chưa đáp ứng kịp thời lao động khi đơn hàng cuối năm tăng đột biến. Tổng số lao động có xu hướng giảm, cần cải tiến tuyển chọn, sàng lọc trong quá trình tuyển dụng để giảm lãng phí do bỏ việc trong thời gian đào tạo,
- Thực hiện các chương trình đào tạo cho công nhân mới, ATLĐ, PCCC, chính sách chất lượng được triển khai đầy đủ và nghiêm túc đúng theo nội qui lao động và các qui chế, nhưng một số chương trình đào tạo nâng cao tay nghề cho đội ngũ công nhân, kỹ thuật còn nhiều hạn chế.
- Thực hiện đúng và đủ hệ thống chính sách lao động của công ty, trong đó:
 - Cập nhật định mức kịp thời theo các dự án cải tiến MMTB & quy trình sản xuất, cải tiến chính sách lương theo nhóm ở khâu Cắt, in khuyến khích công nhân vận hành máy tăng năng suất lao động, lập tính lương chính xác và kịp thời.
 - Nhà ăn cung cấp 184,335 suất ăn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, đầy đủ và không xảy ra lãng phí trong điều kiện tất cả giá lương thực thực phẩm đều tăng so với năm 2015.
 - Tình trạng công nhân vi phạm nội quy, quy trình, quy định năm 2016 có xu hướng tăng so với năm 2015 sẽ cần có biện pháp để cải thiện. Còn xảy ra 02 trường hợp phải sa thải do mâu thuẫn thiếu kiểm chế đánh nhau trong công ty.
- Về lĩnh vực hành chính:
 - Duy trì việc giám sát ca đêm có ký nhận giữa tổ bảo vệ và các tổ trưởng, kỹ thuật, vận hành hệ thống camera giám sát ANTT, ghi hình các trường hợp vi phạm làm bằng chứng xử lý các vi phạm nội qui qui chế làm việc, kiểm soát nội bộ và ra vào tốt không xảy ra trộm cắp cháy nổ trong năm 2016.
 - Số ngày công vắng nghỉ trong năm giảm so với năm 2016, đặc biệt tỷ lệ vắng do thiếu đơn hàng cục bộ giảm nhiều so với năm 2015.
 - Tăng cường kiểm tra, nhắc nhở để đảm bảo an toàn lao động, nhưng số vụ TNLĐ giảm nhẹ so với năm 2015.
 - Công tác vệ sinh công nghiệp được duy trì thực hiện, có sự kiểm tra chéo giữa các bộ phận.
 - Tiết kiệm sử dụng vật tư văn phòng phẩm, làm tốt việc điều phối sử dụng xe, kiểm soát lộ trình và định mức xăng dầu phòng tránh lạm dụng, lãng phí.
 - Bảo mật những thông tin sản xuất kinh doanh, phòng tránh rủi ro từ hệ thống mạng internet và các quan hệ giao dịch.
 - Duy trì quan hệ mật thiết với chính quyền sở tại.

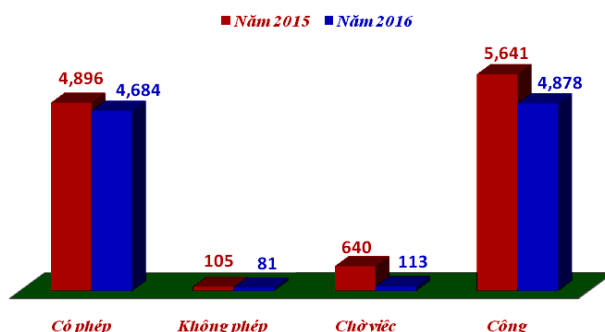
(xem các biểu đồ minh họa).

Đánh giá chung: Bộ phận HCNS đã hoàn thành vai trò chức năng nhiệm vụ được giao trong năm 2016, nổi bật là nhóm CBNV hành chính và nhà ăn, nhưng cần cải tiến mạnh mẽ để có hiệu quả cao hơn trong tuyển dụng đào tạo.

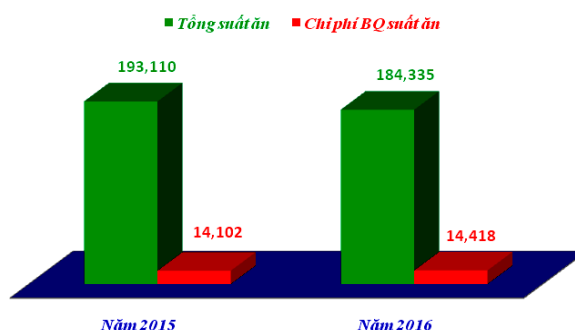
Biểu đồ Kết quả tuyển dụng và nghỉ việc 2016 (so sánh với 2015)



Thống kê Vắng 2016 (so sánh 2015)



Cung cấp suất ăn năm 2016 (so sánh với 2015)



f) Hoạt động tài chính và kế toán

- Về quản lý nhân viên:
 - Cơ cấu và nhân sự ổn định (01 nhân viên nghỉ họ sản nhưng có nhân viên khác kiêm nhiệm).
 - Hướng dẫn nghiệp vụ kiểm tra kiểm soát cho nhân viên quy trình xuất nhập kho, lưu trữ chứng từ nhằm tránh sai sót hoặc thất thoát.
- Quản lý nghiệp vụ kế toán:
 - Kiểm soát chặt chẽ thu chi và thanh toán. Theo dõi công nợ mua, hạn chế tình trạng nợ xấu.
 - Quản lý chi phí chặt chẽ các loại chi phí, đặc biệt là chi phí cố định 2016 thấp hơn so với kế hoạch.
 - Lập các báo cáo tài chính và kế toán đúng thời hạn, chính xác.
- Quản lý vốn và dòng tiền:
 - Tình hình tài chính ổn định, cân đối thu chi kịp thời. Đảm bảo nguồn tiền chi trả các khoản lương, nợ phải trả.. đáp ứng kịp thời tiến độ thanh toán.
 - Tập trung thu nợ khách hàng mua đất dự án Tân Đô, góp phần tăng nguồn thu và lợi nhuận
- Quản lý và sắp xếp kho bãi:
 - Việc sắp xếp kho bãi đã cải tiến (nhưng vẫn còn xảy ra việc xuất nhập nhầm mã, số liệu đối chiếu không khớp).
 - Đã tăng cường kiểm tra thực tế tại các kho, báo cáo đề xuất xử lý tồn kho lâu.

Đánh giá chung: Phòng TCKT đã hoàn thành tốt các yêu cầu nhiệm vụ trong năm 2016. Cần phát huy hơn nữa vai trò trung tâm trong hệ thống kiểm soát nội bộ, khả năng tham mưu của kế toán quản trị đối với bộ máy điều hành, phòng tránh tối đa sai sót số liệu và thời hạn báo cáo.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Bộ máy điều hành nhìn chung đã được sắp xếp bố trí phù hợp với năng lực của mỗi cá nhân, từ đó phát huy được kinh nghiệm ngành nghề và sở trường mỗi người, làm cho Ban giám đốc luôn nắm chắc tình hình tổ chức hoạt động chung của công ty cũng như từng bộ phận và phân xưởng.
- Từng cán bộ quản lý đều thể hiện tốt trách nhiệm, lòng tự trọng và tinh thần hợp tác trong các hoạt động vì lợi ích chung của công ty, tôn trọng các chính sách qui chế qui trình làm việc, phát huy vai trò đầu tàu dẫn dắt bộ phận, chủ động triển khai và giám sát kiểm tra các hoạt động thuộc trách nhiệm được phân công.
- Trong các hoạt động, chú trọng bàn bạc, tham vấn, tham mưu trong Ban giám đốc và giữa các giám đốc trưởng bộ phận chức năng (có mở rộng đến các nhân viên nòng cốt khi cần thiết), từ đó phát huy được vai trò và khả năng của cá nhân; các chủ trương và ý định được xem xét cân nhắc trước khi ra quyết định điều hành nên được cấp dưới và tuyệt đại đa số CBCN có liên quan đồng tình thực hiện.

Hội đồng quản trị trân trọng và đánh giá cao nỗ lực và hiệu quả hoạt động của Ban giám đốc và từng Trưởng bộ phận, đem lại những kết quả xuất sắc trong năm 2016.

Tuy nhiên, Hội đồng quản trị mong muốn Ban giám đốc chú trọng hơn vào những hoạt động sau đây trong năm 2017:

- a) Tìm ra và thực thi các giải pháp để cải thiện kết quả tuyển dụng đào tạo công nhân.
- b) Tăng cường tìm nguồn thông tin nghiên cứu áp dụng công nghệ sản phẩm mới, đặc biệt là các sản phẩm có tính cạnh tranh cao mang đến lợi nhuận cao và các sản phẩm đáp ứng được xu thế thân thiện hơn với môi trường.
- c) Xây dựng hoàn chỉnh và triển khai áp dụng hệ thống đánh giá hiệu quả làm việc của cá nhân và bộ phận theo mô hình KPI.
- d) Tăng cường đúc kết, đánh giá làm rõ trách nhiệm của từng cán bộ điều hành đối với tổ chức, hoạt động và kết quả trong từng lĩnh vực, bộ phận được giao; biểu dương và khen thưởng kịp thời hơn nữa để động viên người có thành tích mang đến hiệu quả chung cho công ty và từng lĩnh vực.
- e) Chọn lựa giới thiệu, đào tạo nghiệp vụ, truyền đạt kinh nghiệm, tạo điều kiện để phát triển nhanh đội ngũ kế cận.
- f) Xây dựng chương trình hành động theo định hướng chiến lược đến hết năm 2020 của từng lĩnh vực chức năng.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Với những lợi thế về năng lực sản xuất và khả năng tài chính, kinh nghiệm thương trường, đang có một lượng khách hàng truyền thống & then chốt và tương đối ổn định, Thương hiệu của công ty được tin cậy cùng với cùng với khả năng cạnh tranh của công ty trên cả hai thị trường nội địa và xuất khẩu là những cơ sở và thời cơ để công ty Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng tiếp tục phát triển bền vững mặc dù thị trường đang có những biến động khó lường và cạnh tranh ngày càng khốc liệt.

HĐQT sẽ tập trung vào một số hoạt động có tính đột phá trong thời gian tới nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty như sau:

- a) Tạo điều kiện tiếp cận, nghiên cứu áp dụng một số công nghệ để phát triển sản phẩm mới.
- b) Tiếp tục đầu tư đổi mới và tăng thêm các loại máy móc thiết bị sản xuất mới để tăng sản lượng, tiết kiệm lao động, nguyên liệu và năng lượng.
- c) Mở rộng quan hệ, tìm các cơ hội hợp tác liên kết trong ngành và chuỗi giá trị (trong và ngoài nước), đầu tư vào các dự án dài hạn khác để giá tăng vị thế công ty và hiệu quả sử dụng vốn.
- d) Phát huy hơn nữa vai trò của Ban kiểm soát trong giám sát tổ chức hoạt động của công ty.
- e) Tạo điều kiện cho đào tạo năng lực quản trị, điều hành, chuyên môn nghiệp vụ, thúc đẩy mạnh phát triển đội ngũ kế thừa.
- f) Tăng cường quan hệ cổ đông theo điều lệ, qui chế công ty và qui định của nhà nước

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.

1. Hội đồng quản trị

a) **Danh sách thành viên HĐQT, tỷ lệ sở hữu cổ phần tại ngày 31/12/2016.**

TT	Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Số lượng cp sở hữu có quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu cp có quyền biểu quyết	Ghi Chú
1	Bà Phạm Đỗ Diễm Hương	CT HĐQT	27/04/2016	896,700	3.67%	Tái bổ nhiệm
2	Bà Tôn Thị Hồng Minh	PCT HĐQT	27/04/2016	104,000	0.43%	Tái bổ nhiệm
3	Ông Phạm Văn Mẹo	TvTHĐQT	27/04/2016	35,000	0.14%	Tái bổ nhiệm
4	Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	T/v HĐQT	27/04/2016	127,160	0.52%	Tái bổ nhiệm
5	Ông Phạm Trung Cang	T/v HĐQT	27/04/2016	3,223,220	13.19%	Mới bổ nhiệm
6	Ông Nguyễn Văn Hùng	T/v HĐQT	27/04/2016	26,400	0.11%	Tái bổ nhiệm
7	Ông Trần Hữu Vinh	T/v HĐQT	27/04/2016	7,000	0.03%	Tái bổ nhiệm

Thay đổi nhân sự HĐQT trong năm 2016: Đại Hội Đồng Cổ Đông công ty thường niên ngày 27/04/2016 đã nhất trí với cơ cấu cũ và bầu ra nhân sự HĐQT nhiệm kỳ mới (2016-2020), trong đó, Ông Phạm Trung Cang được bầu ra thay thế Ông Huỳnh Thanh Tuấn (xin nghỉ vì bận làm ăn cá nhân), 06 thành viên còn lại của nhiệm kỳ trước đều tái nhiệm.

Tóm tắt lý lịch của các thành viên Hội Đồng Quản Trị:



Bà **PHẠM ĐỖ DIỄM HƯƠNG**

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

- Tốt nghiệp Đại học Chapman Hoa Kỳ, ngành Tài chính Marketing.
- 01 năm làm chuyên viên nghiên cứu thị trường & Phát triển khách hàng Cty Phát triển Địa ốc Continental East Development (Hoa Kỳ).
- 01 năm chuyên viên Quản lý Rủi ro ngân hàng ACB.
- Tham gia và là Chủ Tịch HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ năm 2013.



Bà **TÔN THỊ HỒNG MINH**

Phó CTHĐQT

kiêm Giám đốc Kinh Doanh.

- Tốt nghiệp Đại học Kinh tế.
- Làm việc tại phòng kinh doanh công ty từ năm 1997.
- Giám đốc kinh doanh công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ năm 2000.
- Tham gia HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ năm 2007.



Bà **NGUYỄN THỊ THANH LOAN**

Thành viên HĐQT

kiêm GD Tài chính

- Thạc sĩ ngành TCKT.
- 09 năm kế toán tổng hợp công ty Tổng hợp quận 6 TPHCM.
- Làm việc tại phòng TCKT công ty và là Kế toán trưởng từ năm 1993.
- Tham gia HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ năm 2007.



Ông PHẠM TRUNG CANG
Thành viên HĐQT

- ☐ Tốt nghiệp Đại Học Kinh tế.
- ☐ Hoạt động SXKD ngành nhựa bao bì và sáng lập công ty Tân Đại Hưng từ năm 1978.
- ☐ Từ 1993-2007: Chủ tịch kiêm TGD công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng.
- ☐ Từ 2007-2013: Chủ tịch HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng
- ☐ Là một thành viên sáng lập ngân hàng ACB, tham gia quản trị ACB từ khi thành lập đến 2007.
- ☐ Thành viên HĐQT Eximbank từ 2007-2013.
- ☐ Tái nhiệm thành viên HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ năm 2016 đến nay.



Ông PHẠM VĂN MỆO
Thành viên HĐQT
kiêm Giám đốc Nhà máy (công ty con: Công ty TNHH TĐH).

- ☐ Tốt nghiệp Trung cấp Hành chính.
- ☐ Hoạt động trong ngành bao bì nhựa từ 1983.
- ☐ Phó TGD Công ty từ 1993-2007.
- ☐ Tham gia HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ 2007 đến nay.



Ông NGUYỄN VĂN HÙNG
Thành viên HĐQT

- ☐ Tốt nghiệp Đại học Kinh tế.
- ☐ Tham gia quản trị doanh nghiệp từ 1990.
- ☐ Phó TGD kiêm Giám đốc HCNS công ty 2005-2007
- ☐ PCT HĐQT kiêm TGD công ty từ 2007 đến 2013.
- ☐ Tham gia HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ 2007 đến nay.



Ông TRẦN HỮU VINH
Thành viên HĐQT
kiêm Giám đốc SX và gia công.

- ☐ Tốt nghiệp Đại học Kinh tế.
- ☐ Làm việc tại phòng kế hoạch sản xuất công ty từ năm 1999.
- ☐ Giám đốc SX công ty từ năm 2007.
- ☐ Tham gia HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ 2007 đến nay.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:
HĐQT công ty không có tiểu ban

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- ☐ HĐQT hoạt động đúng theo điều lệ công ty, tập trung vào các lĩnh vực: thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ 2016, chiến lược kinh doanh, chỉ tiêu kế hoạch năm 2016, đánh giá tình hình kết quả hoạt động công ty năm 2016 và xác định những nhiệm vụ trọng tâm trong các quý năm 2016.
- ☐ Chủ tịch HĐQT điều hành hoạt động của HĐQT đúng theo điều lệ, qui chế, các mục tiêu chương trình đã được ĐHĐCĐ và HĐQT quyết định.
- ☐ Các thành viên độc lập trong HĐQT (cũng như tất cả các thành viên HĐQT và BKS) đều được chia sẻ đầy đủ kịp thời các thông tin nội bộ; sâu sát nắm vững tình hình; phát huy vai trò tư vấn, tham gia trong hoạch định, quyết định các chủ trương kế hoạch và giám sát các hoạt động của công ty, thể hiện đầy đủ vai trò và trách nhiệm đúng theo điều lệ công ty.

- HĐQT đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 vào ngày 27/04/2016 đúng theo qui định của nhà nước, bầu lại HĐQT và BKS nhiệm kỳ IV (2016 -2020).
- Trong năm qua, HĐQT đã triển khai nghị quyết ĐHĐCĐ, tập trung vào một số hạng mục:
 - Nhận định, dự báo, đánh giá và định hướng hoạt động công ty trong từng quý, tháng.
 - Quyết định chủ trương sử dụng ngoại tệ, thay đổi đầu tư thêm máy móc thiết bị sản xuất, cải tiến chế độ lương sản phẩm, tăng năng suất lao động, duy trì hệ thống gia công, định mức tồn kho nguyên vật liệu, chính sách tài chính đối với một số cơ sở gia công dựa trên khả năng tài chính của công ty nhằm hỗ trợ phát triển và thắt chặt hơn nữa mối quan hệ hợp tác giữa hai bên.
 - Quyết định chính sách và chế độ khen thưởng nhằm khuyến khích hiệu quả làm việc và thừa nhận thành tích của cán bộ nhân viên và công nhân.
 - Hoàn tất chi trả cổ tức năm 2015 theo nghị quyết ĐHĐCĐ 27/04/2016.
 - Thực hiện đầy đủ các qui định về báo cáo đến các cơ quan thẩm quyền.
- Hội đồng quản trị luôn luôn đồng hành cùng với các hoạt động Công ty như bám sát tình hình sản xuất kinh doanh qua các buổi họp đánh giá hàng tháng và hàng quý của Ban Giám đốc, đưa ra những đánh giá, dự báo, định hướng, tập trung lãnh đạo và giám sát toàn diện tổ chức hoạt động của công ty.
- **Các cuộc họp hội đồng quản trị trong năm 2016:**

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Bà Phạm Đỗ Diễm Hương	Chủ tịch	08/08	100%	
2	Bà Tôn Thị Hồng Minh	Phó CT	08/08	100%	
3	Ông Phạm Văn Mẹo	Thành viên	08/08	100%	
4	Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	Thành viên	08/08	100%	
5	Ông Trần Hữu Vinh	Thành viên	08/08	100%	
6	Ông Nguyễn Văn Hùng	TV độc lập	08/08	100%	
7	Ông Phạm Trung Cang	Thành viên	04/08	50%	Mới bổ nhiệm 27/04/2016
8	<i>Ông Huỳnh Thanh Tuấn</i>	<i>T.Viên độc lập</i>	<i>04/08</i>	<i>50%</i>	<i>Miễn nhiệm ngày 27/04/2016</i>

- **Các nghị quyết của HĐQT thực hiện trong năm 2016.**

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ.HĐQT. 2016	28/01/2016	Đánh giá tình hình và kết quả hoạt động công ty năm 2015, Xác lập phương hướng mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2016. Xác định ngày tổ chức Đại Hội Đồng Cổ đông thường niên.
2	02/NQ.HĐQT. 2016	18/03/2016	Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán, Chuẩn bị tổ chức Đại Hội Cổ Đông thường niên năm 2016.
3	03/NQ.HĐQT. 2016	08/04/2016	Thông qua các nhiệm vụ trọng tâm của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, thay đổi thời gian và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên.
4	04/NQ.HĐQT. 2016	12/04/2016	Thông qua báo cáo thường niên 2015 và các tờ trình chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông.
5	01/NQ.ĐHĐC Đ.2016	27/04/2016	Tổ Chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường niên năm 2016, Bầu ra các chức danh HĐQT và BKS nhiệm kỳ (2016 – 2020)
6	02/NQ. HĐQT.IV.2016	09/05/2016	Thông qua việc tổng giám đốc ủy nhiệm điều hành cho 02 phó TGD, Đánh giá kết quả kinh doanh quý 01/2016 , xác lập phương hướng hoạt động kinh doanh quý 02/2016, thông qua kế hoạch chi trả cổ tức cho cổ đông .
7	03/NQ.HĐQT.I V.2016	19/08/2016	Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016, thông qua báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đã soát xét bởi công ty kiểm toán, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm.
8	04/NQ.HĐQT.I V.2016	24/10/2016	Đánh giá kết quả kinh doanh 09 tháng năm 2016, xác lập phương hướng hoạt động quý 04/2016, chuẩn bị kế hoạch kinh năm 2017.

HDQT triển khai nghiêm túc các nghị quyết, quá trình thực hiện có sự phối hợp với ban kiểm soát và sâu sát nắm vững tình hình tổ chức hoạt động của bộ máy điều hành và của các lĩnh vực chức năng, kết quả thực hiện tốt các nghị quyết trong năm dẫn đến hiệu quả tốt đẹp chung của công ty năm 2016 .

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập (chỉ có 01 thành viên HDQT độc lập).

- ☐ Không tham gia vào hoạt động điều hành.
- ☐ Tham gia đầy đủ và nêu ý kiến tham gia biểu quyết, trong các cuộc họp HDQT, góp ý vào các hoạt động của HDQT và của công ty, góp ý vào các văn bản của HDQT.

e) Danh sách các thành viên HDQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty trong năm 2016.

TT	Họ và tên	Chức danh	Ghi Chú
1	Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	T/v HDQT	Tham gia lớp học quản trị Công ty đại chúng do Trung tâm NCKH và Đầu Tư Chứng khoán tổ chức ngày 20 đến 21/08/2015.

2. Ban Kiểm soát

a) Danh sách Thành viên và của Ban Kiểm Soát (BKS) và tỷ lệ sở hữu cổ phần :

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số lượng cp sở hữu cp có quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu cp có quyền biểu quyết
1	Ông Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa	Trưởng ban	27/04/2016	2.050	0.10%
2	Bà Đào Thanh Tuyền	Thành viên	27/04/2016	33.600	0.16%
3	Ông Nguyễn Thanh Dũng	Thành viên	27/04/2016	0	0%

Thay đổi nhân sự BKS trong năm 2016: Đại Hội Đồng Cổ Đông công ty thường niên ngày 27/04/2016 đã nhất trí với cơ cấu cũ và bầu ra nhân sự BKS nhiệm kỳ mới (2016-2020), trong đó, Ông Nguyễn Thanh Dũng được bầu ra thay thế Bà Nguyễn Thị Hồng Cúc (xin nghỉ vì bận làm ăn cá nhân), 02 thành viên còn lại của BKS nhiệm kỳ trước đều tái nhiệm.

Tóm tắt lý lịch Ban Kiểm Soát

 Ông LÂM NGUYỄN QUỐC NGHĨA Trưởng Ban Kiểm Soát ☐ Thạc sĩ ngành TCKT. ☐ Làm việc tại phòng TCKT công ty từ năm 1999. ☐ Kế toán trưởng công ty TNHH TĐT từ 2006. ☐ Tham gia Ban kiểm soát từ năm 2007.	 Bà ĐÀO THANH TUYỀN Thành viên Ban kiểm soát ☐ Thạc sĩ ngành TCKT. ☐ Làm việc tại phòng TCKT công ty từ năm 1998. ☐ Thành viên HDQT từ 2007-2011 ☐ Thành viên Ban kiểm soát từ 2012 đến nay.	 Ông NGUYỄN THANH DŨNG Thành viên Ban kiểm soát ☐ Tốt nghiệp Đại Học Công nghệ Kỹ thuật. ☐ Làm việc tại công ty từ năm 2000, phụ trách về công nghệ kỹ thuật sản xuất ☐ Thành viên Ban kiểm soát từ năm 2016.
--	---	--

b) Các hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2016

- ☐ **Ban Kiểm Soát đã tham gia các buổi họp với các thành viên HĐQT :**

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa	Trưởng ban	08/08	100%	
2	Bà Đào Thanh Tuyền	Thành viên	08/08	100%	
3	Ông Nguyễn Thanh Dũng	Thành viên	04/08	50%	Bổ nhiệm ngày 27 /04/2016
	<i>Bà Nguyễn Thị Hồng Cúc</i>	<i>Thành viên</i>	<i>04/08</i>	<i>50%</i>	<i>Miễn nhiệm ngày 27/04/2016</i>

Kết quả các cuộc họp với HĐQT :

- HĐQT đã chấp hành, tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ của Cty.
- Nội dung các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT trong năm 2016 được thực thi, công bố thông tin theo các Quy định của luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 và hoàn thành tốt các chỉ tiêu đặt ra.

- ☐ **BKS đã tham gia thường xuyên cùng với BGĐ Cty hàng tháng vào các ngày (ngày 15 hoặc ngày 20 hàng tháng) và cử thành viên BKS tham dự các cuộc họp giao ban hàng tuần với Ban điều hành sản xuất Cty.**

Kết quả các cuộc họp với BGĐ :

- BGĐ tuân thủ điều lệ và quy chế nội bộ công ty trong việc quản lý và điều hành.
- BGĐ đã triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 theo định hướng của HĐQT và vượt các chỉ tiêu đề ra.
- Hàng tuần/tháng, BGĐ tiến hành họp nhằm rà soát việc thực hiện kế hoạch sản xuất và đã có các biện pháp điều chỉnh phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế tại Cty.
- Hàng tháng/quý, BGĐ tiến hành họp để xem xét và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong tháng, kiểm tra dòng tiền, tình hình tài chính của công ty. Đồng thời, BGĐ thảo luận và thông qua các phương án, các giải pháp thực hiện nhằm tháo gỡ những khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- ☐ **BKS kiểm tra và xem xét hoạt động tài chính với các nội dung như sau :**

- Xem xét các báo cáo sơ kết 6 tháng, Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh cả năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính. Đồng thời phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.
- Kiểm tra các báo cáo tài chính năm 2016 trước và sau kiểm toán.
- Về báo cáo tài chính năm 2016 của công ty : Đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán A&C. Báo cáo này phản ánh trung thực, hợp lý, đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của công ty. Báo cáo được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan .
- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế, các khoản chi phí, khoản trích dự phòng, được ghi nhận đúng theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.
- Ban kiểm soát đã thẩm tra báo cáo tài chính, qua đó đồng ý với các đánh giá hoạt động tài chính của công ty đã nêu trong báo cáo kiểm toán.

c) Đánh giá chung hoạt động của BKS :

- ☐ Trong năm 2016, BKS đã hoàn thành chức năng kiểm tra và giám sát các hoạt động của HĐQT và BGĐ Cty đúng theo chức năng nhiệm vụ.
- ☐ HĐQT và BGĐ Cty đã tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực thi nhiệm vụ.

d) Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017

- ☐ BKS sẽ tiếp tục bám sát các chỉ tiêu trong Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua, để có kế hoạch kiểm tra việc thực hiện theo quy định.
- ☐ Kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Cty.
- ☐ Tổ chức xem xét và kiểm tra các báo cáo tài chính quý, 06 tháng và cả năm của công ty.
- ☐ Tham gia các cuộc họp của HĐQT và BGĐ để nắm bắt và đánh giá chính xác hoạt động SXKD của Cty.
- ☐ Kiểm tra việc thực hiện công bố thông tin đến các cổ đông và nhà đầu tư.
- ☐ Thực hiện các công tác khác theo quy định.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Công ty đã thực hiện việc trả thù lao cho HĐQT và BKS theo mức chi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua.

Stt	Tên cá nhân	Chức vụ	Số tiền thù lao năm 2016 (VNĐ)	Ghi chú
Hội đồng quản trị				
1	Phạm Đỗ Diễm Hương	CT.HĐQT	80,000,000	
2	Tôn Thị Hồng Minh	Thành viên HĐQT	80,000,000	
3	Nguyễn Thị Thanh Loan	Thành viên HĐQT	80,000,000	
4	Phạm Văn Mẹo	Thành viên HĐQT	80,000,000	
5	Phạm Trung Cang	Thành viên HĐQT	60,000,000	Mới bổ nhiệm
6	Nguyễn Văn Hùng	Thành viên HĐQT	80,000,000	
7	Trần Hữu Vinh	Thành viên HĐQT	80,000,000	
	<i>Huỳnh Thanh Tuấn</i>	<i>Thành viên HĐQT</i>	<i>20,000,000</i>	<i>Đã miễn nhiệm</i>
Ban kiểm soát				
1	Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa	Trưởng Ban K.Soát	60,000,000	
2	Đào Thanh Tuyên	Thành viên BKS	60,000,000	
3	Nguyễn Thanh Dũng	Thành viên BKS	45,000,000	Mới bổ nhiệm
	<i>Nguyễn Thị Hồng Cúc</i>	<i>Thành viên BKS</i>	<i>15,000,000</i>	<i>Đã miễn nhiệm</i>
	Tổng cộng		740,000,000	

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và cổ đông lớn:

Không có giao dịch trong năm 2016.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không có giao dịch trong năm 2016.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- ☐ HĐQT và BGĐ Cty đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về quản trị Cty.
- ☐ Các biên bản, quyết định, nghị quyết do HĐQT được lập đúng theo quy định, thuộc thẩm quyền của HĐQT, phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ của công ty.
- ☐ HĐQT phân công người duy trì quan hệ với Sở Giao dịch chứng khoán, thường xuyên trao đổi thông tin và tham vấn khi cần thiết, cử người tham dự các cuộc họp và các khóa học, thực hiện đúng và đủ chế độ báo cáo đến Sở GDCK TPHCM và UBCKNN.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.

1. Ý kiến kiểm toán



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khánh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 0081/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng (sau đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 03 tháng 02 năm 2017, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2013-008-1

Lê Thị Thu Nga - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1182-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2017



2. Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi công ty A&C

(Bộ BCTC đầy đủ được công bố và lưu trữ tại website công ty www.tandaihungplastic.com.)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		392.268.788.464	373.625.828.567
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	54.995.857.156	82.364.036.940
1. Tiền	111		38.870.732.156	34.364.036.940
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.125.125.000	48.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		142.744.000.000	66.127.777.778
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	142.744.000.000	66.127.777.778
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		104.381.717.434	92.812.180.929
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	98.086.392.238	88.682.353.281
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	354.571.500	1.816.039.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	8.881.880.328	5.319.868.370
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(2.941.126.632)	(3.006.079.722)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		81.826.829.529	117.276.375.172
1. Hàng tồn kho	141	V.7	81.826.829.529	117.276.375.172
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.320.384.345	15.045.457.748
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	297.087.270	180.102.398
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.882.102.538	14.031.511.282
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	141.194.537	833.844.068
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

5

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		207.554.273.457	161.103.845.248
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		51.998.662.570	39.417.717.480
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	51.998.662.570	39.417.717.480
- Nguyên giá	222		124.915.973.246	107.897.124.685
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(72.917.310.676)	(68.479.407.205)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		164.800.000	164.800.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(164.800.000)	(164.800.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		54.995.821.949	14.728.085.352
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	17.058.831.352	18.058.831.352
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(4.063.009.403)	(3.330.746.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	42.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		100.559.788.938	106.958.042.416
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	100.559.788.938	106.958.042.416
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		599.823.061.921	534.729.673.815

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		284.773.295.980	228.180.035.746
I. Nợ ngắn hạn	310		284.773.295.980	208.761.670.306
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	20.064.215.157	22.129.925.930
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	2.075.414.314	4.341.409.278
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.856.610.289	3.179.385.824
4. Phải trả người lao động	314	V.13	11.656.489.854	6.294.845.171
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	195.602.364	336.351.951
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	2.297.518.651	6.896.554.052
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	246.627.445.351	165.583.198.100
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	19.418.365.440
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	-	19.418.365.440
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

3815-1
 3 TY
 HỮU
 VÀ TUV
 C
 HỒ CH

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

7

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

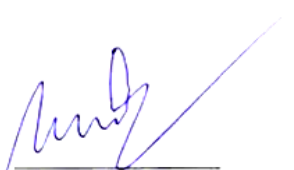
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

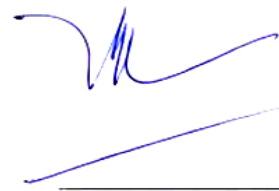
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		315.049.765.941	306.549.638.069
I. Vốn chủ sở hữu	410		315.049.765.941	306.549.638.069
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.17	244.305.960.000	244.305.960.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		244.305.960.000	244.305.960.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.17	86.242.518.451	86.242.518.451
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.17	(40.632.476.860)	(40.632.476.860)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.17	25.133.764.350	16.633.636.478
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.872.262.879	6.053.952.483
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		21.261.501.471	10.579.683.995
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		599.823.061.921	534.729.673.815

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 02 năm 2017


Hồ Nhật Minh
 Người lập biểu


Nguyễn Thị Thanh Loan
 Kế toán trưởng


Phạm Đỗ Diễm Hương
 Tổng Giám đốc


Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

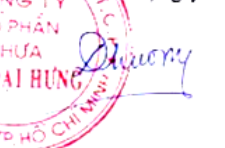
CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	702.107.381.535	707.016.258.476
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	702.107.381.535	707.016.258.476
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	649.997.979.594	658.109.440.175
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.109.401.941	48.906.818.301
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	11.918.495.486	13.583.301.172
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	10.093.541.756	22.409.203.919
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.722.034.250	6.554.394.895
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.5	12.577.232.022	12.433.159.841
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	19.851.761.373	18.328.694.596
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.505.362.276	9.319.061.117
12.	Thu nhập khác	31	VI.7	4.991.097.011	4.317.660.901
13.	Chi phí khác	32		51.119.912	216.174.898
14.	Lợi nhuận khác	40		4.939.977.099	4.101.486.003
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.445.339.375	13.420.547.120
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	5.183.837.903	2.840.863.125
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>21.261.501.472</u>	<u>10.579.683.995</u>
19.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>21.261.501.472</u>	<u>10.579.683.995</u>
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>1.000</u>	<u>497</u>
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	<u>1.000</u>	<u>497</u>


Hồ Nhật Minh
 Người lập biểu


Nguyễn Thị Thanh Loan
 Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 02 năm 2017


Phạm Đỗ Diễm Hương
 Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		26.445.339.375	13.420.547.120
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	10.727.925.457	9.780.514.760
- Các khoản dự phòng	03	V.2, V.6	667.310.313	483.384.657
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3, VI.4	801.743.481	503.026.831
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7	(9.856.624.179)	(7.560.757.436)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	3.722.034.250	6.554.394.895
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		32.507.728.697	23.181.110.827
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.473.251.288)	59.938.071.841
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		35.449.545.643	55.332.871.710
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(13.396.407.495)	(65.975.446.945)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		6.281.268.606	5.954.201.699
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.14, VI.4	(3.765.184.152)	(6.873.226.476)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.12	(4.389.912.501)	(1.853.877.283)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		50.213.787.510	69.703.705.373
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, VII	(12.229.805.650)	(403.355.910)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9, VI.7	1.595.000.000	1.320.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(259.001.396.605)	(165.327.777.778)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	140.385.174.383	201.400.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2, VI.3	3.000.000.000	4.700.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	4.697.942.464	6.352.987.711
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(121.553.085.408)	48.041.854.023

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

10

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

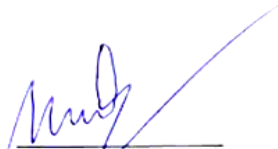
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	407.604.496.888	311.057.582.356
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(349.963.108.582)	(413.400.757.946)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.15, V.17	(13.883.942.400)	(10.308.736.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		43.757.445.906	(112.651.911.590)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(27.581.851.992)	5.093.647.806
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	82.364.036.940	77.305.028.820
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		213.672.209	(34.639.686)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	54.995.857.156	82.364.036.940

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 02 năm 2017


Hồ Nhật Minh
 Người lập biểu


Nguyễn Thị Thanh Loan
 Kế toán trưởng


Phạm Đỗ Diễm Hương
 Tổng Giám đốc

 044
 ÔNG
 NH
 CÁN
 18
 T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến sản phẩm cao su (không hoạt động tại trụ sở); Mua bán, sản xuất bao bì nhựa PP, PE, PET (trừ tái chế phế thải); Mua bán sản phẩm nhựa, nguyên liệu nhựa, bột màu, máy móc thiết bị và phụ tùng ngành công nông lâm nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Mặc dù doanh thu năm nay giảm nhẹ so với năm trước nhưng lợi nhuận lại tăng mạnh, chủ yếu là do chi phí tài chính giảm. Chi phí tài chính năm trước phát sinh lớn là do ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá thanh toán phát sinh trong năm trước vì Công ty chủ yếu nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH TDH có trụ sở chính tại C11 - C15, cụm công nghiệp nhựa Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất các sản phẩm bao bì nhựa. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 100%.

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 621 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 642 nhân viên).

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung và những chi phí liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí thuê nhà xưởng

Chi phí nhà xưởng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Chi phí sửa chữa văn phòng

Chi phí sửa chữa văn phòng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 10
Máy móc và thiết bị	02 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn chỉ có Chương trình phần mềm. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Tập đoàn đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HUNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	33.139.679	152.292.655
Tiền gửi ngân hàng	38.837.592.477	34.211.744.285
Khoản tương đương tiền – Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng	16.125.125.000	48.000.000.000
Cộng	<u>54.995.857.156</u>	<u>82.364.036.940</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	142.744.000.000	142.744.000.000	66.127.777.778	66.127.777.778
Tiền gửi có kỳ hạn	142.744.000.000	142.744.000.000	66.127.777.778	66.127.777.778
Dài hạn	42.000.000.000	42.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	42.000.000.000	42.000.000.000	-	-
Cộng	184.744.000.000	184.744.000.000	66.127.777.778	66.127.777.778

Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến dưới 01 năm trị giá 92.744.000.000 VND được thế chấp để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín.

Tiền gửi có kỳ hạn trên 01 năm trị giá 25.000.000.000 được thế chấp để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu	198.949	-	198.949	198.949	-	198.949
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam	7.058.632.403	(4.063.009.403)	2.995.623.000	7.058.632.403	(3.330.746.000)	3.727.886.403
Công ty cổ phần dịch vụ đầu tư hạ tầng Á Châu	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000	-	-
Công ty cổ phần đầu tư cơ sở hạ tầng Tân Đô	-	-	-	1.000.000.000	-	-
Cộng	17.058.831.352	(4.063.009.403)	-	18.058.831.352	(3.330.746.000)	-

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.330.746.000	4.479.558.400
Trích lập bổ sung	732.263.403	492.555.197
Bù đắp khoản đầu tư	-	(1.641.367.597)
Số cuối năm	4.063.009.403	3.330.746.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>35.732.754.001</i>	<i>26.221.974.001</i>
Công ty TNHH Đại Hưng	24.517.040.000	24.517.040.000
Công ty cổ phần kinh doanh Đại Hưng Thịnh	11.215.714.001	1.704.934.001
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>62.353.638.237</i>	<i>62.460.379.280</i>
Cộng	98.086.392.238	88.682.353.281

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần ĐHP	-	1.750.000.000
Các nhà cung cấp khác	354.571.500	66.039.000
Cộng	354.571.500	1.816.039.000

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tạm ứng	1.314.258.377	-	1.369.620.277	-
Phải thu tiền mua quyền sử dụng đất dự án đất Tân Đô	4.518.845.456	-	2.525.945.455	-
Tiền lãi có kỳ hạn dự thu	2.749.081.918	-	683.538.272	-
Thuế GTGT chờ hoàn	-	-	596.466.391	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	299.694.577	-	144.297.975	-
Cộng	8.881.880.328	-	5.319.868.370	-

6. Nợ xấu

		<u>Số cuối năm</u>				<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>		<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
Doanh nghiệp tư nhân sản xuất thương mại dịch vụ Thành Phú – Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	1.294.268.140	-	Trên 03 năm	1.294.268.140	-	-
Công ty Foku-H.S.R.O – Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	1.646.858.492	-	Trên 03 năm	1.646.858.492	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				Dưới 02 năm	103.401.900	38.448.810	
Cộng		2.941.126.632	-		3.044.528.532	38.448.810	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	3.006.079.722	3.015.250.262
Hoàn nhập dự phòng	(64.953.090)	(9.170.540)
Số cuối năm	2.941.126.632	3.006.079.722

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

23

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	4.002.921.790	-
Nguyên liệu, vật liệu	26.284.829.965	-	32.790.794.196	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	40.598.468.202	-	18.726.208.737	-
Thành phẩm	13.645.102.762	-	39.535.636.442	-
Hàng hóa	-	-	9.217.548.942	-
Hàng hóa bất động sản	1.298.428.600	-	13.003.265.065	-
Cộng	81.826.829.529	-	117.276.375.172	-

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí công cụ, dụng cụ còn phải phân bổ.

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	495.060.559	862.971.709
Chi phí thuê nhà xưởng	100.000.000.000	106.061.888.889
Chi phí sửa chữa văn phòng	64.728.379	33.181.818
Cộng	100.559.788.938	106.958.042.416

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	4.620.079.680	92.594.314.206	10.338.652.967	344.077.832	107.897.124.685
Mua trong năm	-	23.550.732.478	260.000.000	-	23.810.732.478
Thanh lý trong năm	-	(6.791.883.917)	-	-	(6.791.883.917)
Số cuối năm	4.620.079.680	109.353.162.767	10.598.652.967	344.077.832	124.915.973.246
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.309.716.000	39.081.276.972	3.490.686.328	192.460.800	44.074.140.100
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	3.200.037.899	59.581.538.274	5.364.830.909	333.000.123	68.479.407.205
Khấu hao trong năm	737.276.508	9.159.634.913	819.936.327	11.077.709	10.727.925.457
Thanh lý trong năm	-	(6.290.021.986)	-	-	(6.290.021.986)
Số cuối năm	3.937.314.407	62.451.151.201	6.184.767.236	344.077.832	72.917.310.676
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.420.041.781	33.012.775.932	4.973.822.058	11.077.709	39.417.717.480
Số cuối năm	682.765.273	46.902.011.566	4.413.885.731	-	51.998.662.570
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

24

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>	-	7.086.266.000
Công ty cổ phần kinh doanh Đại Hưng Thịnh	-	7.086.266.000
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	20.064.215.157	15.043.659.930
Công ty cổ phần nhựa Châu Âu	2.200.000.000	1.432.640.000
Các nhà cung cấp khác	17.864.215.157	13.611.019.930
Cộng	20.064.215.157	22.129.925.930

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	2.985.600.000
Các khách hàng khác	2.075.414.314	1.355.809.278
Cộng	2.075.414.314	4.341.409.278

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.179.385.824	-	6.621.966.187	(8.278.113.094)	1.523.238.917	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	17.310.804.500	(17.310.804.500)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	290.800.205	1.286.533.978	(995.733.773)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	460.554.030	5.183.837.903	(4.389.912.501)	333.371.372	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	82.489.833	664.761.371	(723.466.075)	-	141.194.537
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
Cộng	3.179.385.824	833.844.068	31.073.903.939	(31.704.029.943)	1.856.610.289	141.194.537

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng hóa xuất khẩu 0%
- Hàng hóa tiêu thụ trong nước 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Công ty TNHH TĐH nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh dệt sợi bao bì nhựa với thuế suất 20% trong 10 năm kể từ năm hoạt động đầu tiên, được miễn thuế trong 02 năm kể từ khi kinh doanh có lãi và giảm 50% số thuế phải nộp trong 06 năm tiếp theo.
- Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 22%).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.445.339.375	13.420.547.120
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- <i>Lỗ trong năm của công ty mẹ</i>	-	196.660.772
- <i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	343.469.979	590.683.865
- <i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Thu nhập chịu thuế	26.788.809.354	14.207.891.757
Thu nhập được miễn thuế	-	(2.100)
Lỗ các năm trước được chuyển	(869.619.837)	-
Thu nhập tính thuế	25.919.189.517	14.207.889.657
Trong đó:		
- <i>Thu nhập của Công ty con hưởng ưu đãi (thuế suất 20%)</i>	25.919.189.517	14.243.630.020
- <i>Thu nhập của Công ty con hoạt động không được hưởng ưu đãi (thuế suất 22%)</i>	-	(35.740.363)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	5.183.837.903	2.840.863.125

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

13. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 còn phải trả.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	195.166.000	238.315.902
Chi phí khác	436.364	98.036.049
Cộng	195.602.364	336.351.951

15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội	848.523.691	563.497.519
Nhận ký quỹ ngắn hạn	-	1.040.629.080
Cổ tức phải trả	1.043.518.560	2.166.087.360
Trả trước theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp vào dự án Tân Đô	405.476.400	3.081.100.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	45.240.093
Cộng	2.297.518.651	6.896.554.052

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

26

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/ dài hạn****16a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng		
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾</i>	76.676.118.480	59.333.218.800
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh 6 TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾</i>	61.318.927.971	63.282.382.300
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i>	-	22.970.400.000
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	68.417.698.000	-
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình ^(iv)</i>	40.214.700.900	19.997.197.000
Cộng	<u>246.627.445.351</u>	<u>165.583.198.100</u>

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh 03 tháng một lần theo biểu lãi suất của Ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cá nhân của các thành viên Hội đồng quản trị và bảo lãnh của Công ty TNHH Đại Hưng.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh 6 TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh 06 tháng một lần theo biểu lãi suất của Ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2a).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh 6 TP. Hồ Chí Minh, tiền gửi có kỳ hạn của Công ty TNHH TĐH và tiền gửi có kỳ hạn của thành viên Hội đồng quản trị.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2a).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh của các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	165.583.198.100
Số tiền vay phát sinh	407.604.496.888
Số tiền vay đã trả	(330.696.172.627)
Chênh lệch tỷ giá	4.135.922.990
Số cuối năm	<u>246.627.445.351</u>

16b. Vay dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để sang nhượng quyền sử dụng đất và nhà xưởng ở lô C9 – C11– C15 Cụm công nghiệp nhựa Đức Hòa – Long An. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay, tài sản của Công ty TNHH TĐH và tài sản của các cá nhân có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Chi tiết số phát sinh của khoản vay dài hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	19.418.365.440
Số tiền vay đã trả	(19.266.935.955)
Chênh lệch tỷ giá	(151.429.485)
Số cuối năm	-

16c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

17. Vốn chủ sở hữu**17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	244.305.960.000	86.242.518.451	(40.632.476.860)	16.688.430.483	306.604.432.074
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	10.579.683.995	10.579.683.995
Chia cổ tức	-	-	-	(10.634.478.000)	(10.634.478.000)
Số dư cuối năm trước	244.305.960.000	86.242.518.451	(40.632.476.860)	16.633.636.478	306.549.638.069
Số dư đầu năm nay	244.305.960.000	86.242.518.451	(40.632.476.860)	16.633.636.478	306.549.638.069
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	21.261.501.472	21.261.501.472
Chia cổ tức	-	-	-	(12.761.373.600)	(12.761.373.600)
Số dư cuối năm nay	244.305.960.000	86.242.518.451	(40.632.476.860)	25.133.764.350	315.049.765.941

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bà Lê Thị Mỹ Hạnh	33.825.900.000	33.825.900.000
Ông Phạm Trung Cang	32.232.200.000	32.232.200.000
Các cổ đông khác	178.247.860.000	178.247.860.000
Cộng	244.305.960.000	244.305.960.000

17c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.430.596	24.430.596
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.430.596	24.430.596
- Cổ phiếu phổ thông	24.430.596	24.430.596
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(3.161.640)	(3.161.640)
- Cổ phiếu phổ thông	(3.161.640)	(3.161.640)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.268.956	21.268.956
- Cổ phiếu phổ thông	21.268.956	21.268.956
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17d. Phân phối lợi nhuận**

Trong năm, Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng đã chia cổ tức năm 2015 cho các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 ngày 27 tháng 4 năm 2016 với số tiền 12.761.373.600 VND.

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất***Ngọai tệ các loại***

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	1.316.469,07	1.137.116,58
Euro (EUR)	20,87	20,87

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*****1a. Tổng doanh thu***

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa, nguyên vật liệu	180.653.640.102	125.027.335.867
Doanh thu bán thành phẩm	498.259.611.655	576.881.743.086
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.057.151.350	3.586.379.523
Doanh thu khác	19.136.978.428	1.520.800.000
Cộng	<u>702.107.381.535</u>	<u>707.016.258.476</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty cổ phần kinh doanh Đại Hưng Thịnh với số tiền 105.293.720.120 VND (năm trước là 92.930.842.000 VND).

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa, nguyên vật liệu đã bán	180.120.580.940	123.931.324.681
Giá vốn của thành phẩm đã bán	453.569.794.863	529.017.669.990
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.045.631.350	3.610.708.141
Giá vốn khác	12.261.972.441	1.549.737.363
Cộng	<u>649.997.979.594</u>	<u>658.109.440.175</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.763.486.110	6.224.898.875
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	49.631.800	99.557.803
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	2.000.000.000	-
Cổ tức được chia	-	2.100
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	265.183.125	6.863.342.386
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.770.340.354	-
Doanh thu tài chính khác	69.854.097	395.500.008
Cộng	<u>11.918.495.486</u>	<u>13.583.301.172</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

29

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.722.034.250	6.554.394.895
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.572.317.497	14.859.226.996
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.066.926.606	503.026.831
Dự phòng /(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá chứng khoán kinh doanh	732.263.403	492.555.197
Cộng	10.093.541.756	22.409.203.919

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu, bao bì	-	262.599
Chi phí khấu hao tài sản cố định	100.282.728	100.282.728
Chi phí vận chuyển	12.342.209.455	12.004.253.359
Chi phí hoa hồng môi giới	93.870.400	317.244.191
Các chi phí khác	40.869.439	11.116.964
Cộng	12.577.232.022	12.433.159.841

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	14.734.692.283	13.789.990.018
Chi phí vật liệu quản lý	403.653.079	411.371.468
Chi phí khấu hao tài sản cố định	624.554.760	659.802.280
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.060.932.130	450.934.470
Các chi phí khác	3.027.929.121	3.016.596.360
Cộng	19.851.761.373	18.328.694.596

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.093.138.069	940.356.453
Thu nhập tiền trực in	896.757.830	3.102.381.206
Các khoản thu nhập khác	3.001.201.112	274.923.242
Cộng	4.991.097.011	4.317.660.901

8. Lãi trên cổ phiếu**8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	21.261.501.472	10.579.683.995
Lợi nhuận tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	21.261.501.472	10.579.683.995
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	21.268.956	21.268.956
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.000	497

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

30

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	471.525.995.384	560.367.066.992
Chi phí nhân công	69.258.525.493	62.265.085.019
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.727.925.457	9.780.514.760
Chi phí dịch vụ mua ngoài	255.824.072.998	26.800.037.241
Chi phí khác	94.079.967.835	94.206.265.176
Cộng	901.416.487.167	753.418.969.188

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, các công ty trong Tập đoàn đã mua một số tài sản cố định bằng cách nhận nợ trị giá 18.835.671.818 VND (năm trước là 7.254.744.990 VND).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Cam kết bảo lãnh

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan dùng tài sản cá nhân là quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.16a và V.16b).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 1.320.996.000 VND (năm trước là 1.320.000.000 VND).

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Đại Hưng	Người đại diện của Công ty TNHH Đại Hưng có mối quan hệ gia đình với Giám đốc Công ty TNHH TĐH
Công ty TNHH nhựa Đại Hưng	Người đại diện của Công ty TNHH nhựa Đại Hưng có mối quan hệ gia đình với Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng
Công ty cổ phần kinh doanh Đại Hưng Thịnh	Kế toán trưởng của Công ty cổ phần kinh doanh Đại Hưng Thịnh là thành viên quản lý chủ chốt của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty TNHH nhựa Đại Hưng</i>		
Thu hộ tiền điện, nước	35.932.695	13.934.733
Thuê văn phòng	240.000.000	240.000.000
Chia cổ tức	-	500.000.000
<i>Công ty cổ phần kinh doanh Đại Hưng Thịnh</i>		
Thu hộ tiền điện nước	27.830.120	25.297.201
Bán hạt nhựa	105.265.890.000	-
Mua hạt nhựa	-	10.800.400.909

Giá bán hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Cam kết bảo lãnh

Công ty TNHH Đại Hưng đã bảo lãnh cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.16a).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.11.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. **Thông tin về bộ phận**

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: kinh doanh bao bì nhựa, hạt nhựa.
- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất bao bì nhựa.
- Lĩnh vực khác: cung cấp dịch vụ.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn là sản xuất bao bì nhựa PP, PE, PET. Thị trường tiêu thụ chủ yếu của Tập đoàn là Việt Nam và các nước Châu Âu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Việt Nam	326.840.461.330	274.259.035.079
Các nước Châu Âu	375.266.920.205	432.757.223.397
Cộng	702.107.381.535	707.016.258.476

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.995.857.156	-	-	54.995.857.156
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	184.744.000.000	-	-	184.744.000.000
Phải thu khách hàng	91.185.483.682	2.312.923.433	4.587.985.124	98.086.392.238
Các khoản phải thu khác	7.567.621.952	-	-	7.567.621.952
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	10.000.000.000	-	7.058.831.352	17.058.831.352
Cộng	348.492.962.790	2.312.923.433	11.646.816.476	362.452.702.698
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	82.364.036.940	-	-	82.364.036.940
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	66.127.777.778	-	-	66.127.777.778
Phải thu khách hàng	72.510.784.540	13.103.937.149	3.067.631.592	88.682.353.281
Các khoản phải thu khác	3.353.781.702	-	-	3.353.781.702
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	11.000.000.000	-	7.058.831.352	18.058.831.352
Cộng	235.356.380.960	13.103.937.149	10.126.462.944	258.586.781.053

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm			
Phải trả người bán	20.064.215.157	-	20.064.215.157
Các khoản phải trả khác	1.448.994.960	-	1.448.994.960
Vay và nợ	246.627.445.351	-	246.627.445.351
Cộng	268.140.655.468	-	268.140.655.468
Số đầu năm			
Phải trả người bán	22.129.925.930	-	22.129.925.930
Các khoản phải trả khác	6.669.408.484	-	6.669.408.484
Vay và nợ	165.583.198.100	19.418.365.440	185.001.563.540
Cộng	194.382.532.514	19.418.365.440	213.800.897.954

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán và giá hàng hóa, nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.316.469,07	20,87	1.137.116,58	-
Phải thu khách hàng	1.748.419,45	-	1.843.870,81	-
Vay và nợ	(10.837.803,75)	-	(8.214.989,50)	-
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(7.772.915,24)	20,87	(5.234.002,11)	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 2.864.350.739 VND (năm trước giảm/tăng 2.357.394.551 VND).

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc năm tài chính là 10.837.803,75 USD (số đầu năm là 8.214.989,50 USD).

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Tập đoàn tại ngày kết thúc năm tài chính là 3.797.470.500 VND (số đầu năm là 3.728.085.349 VND).

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn thế chấp tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín (xem thuyết minh số V.2a). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 92.744.000.000 VND (số đầu năm là 72.127.777.778 VND).

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.995.857.156	-	82.364.036.940	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	184.744.000.000	-	66.127.777.778	-
Phải thu khách hàng	98.086.392.238	(2.941.126.632)	88.682.353.281	(3.006.079.722)
Các khoản phải thu khác	7.567.621.952	-	3.353.781.702	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	17.058.831.352	(4.063.009.403)	18.058.831.352	(3.330.746.000)
Cộng	362.452.702.698	(7.004.136.035)	258.586.781.053	(6.336.825.722)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	20.064.215.157	22.129.925.930
Các khoản phải trả khác	1.448.994.960	6.669.408.484
Vay và nợ	246.627.445.351	185.001.563.540
Cộng	268.140.655.468	213.800.897.954

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 02 năm 2017

 _____ Hồ Nhật Minh Người lập biểu	 _____ Nguyễn Thị Thanh Loan Kế toán trưởng	 _____ Phạm Đỗ Diễm Hương Tổng Giám đốc
---	--	--



Ngày 24 tháng 03 năm 2017.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị



PHẠM ĐỖ DIỄM HƯƠNG

